

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH  
 SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ TUYỂN VÀ NỘP PHÍ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2024-2025 (LẦN 2)**

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển			Thi ngoại ngữ	Miễn thi ngoại ngữ	Ghi chú
							Vị trí việc làm	Trường, đơn vị				
								Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2			
<b>Tổng cộng: 678</b>		<b>678</b>	<b>505</b>	<b>12</b>	<b>678</b>	<b>35</b>	<b>678</b>	<b>678</b>	<b>678</b>	<b>517</b>	<b>161</b>	
1	Trương Thị Mỹ Ái	13/08/1995	X	Kinh	Đại học Văn học, CC NVSP		Giáo viên Ngữ văn	Nguyễn Thái Học	Số 1 Tuy Phước	Anh		
2	Trần Thị Ngọc Ái	07/12/1999	X	Kinh	Đại học Ngôn ngữ Anh; chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên Tiếng Anh	Số 2 An Nhơn	Mỹ Thọ		X	
3	Đoàn Thị Huệ An	29/10/2000	X	Kinh	Thạc sỹ Toán giải tích; Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Hòa Bình	Nguyễn Trường Tộ	Anh		
4	Trần Đức An	05/10/1991		Kinh	Thạc sỹ Toán giải tích; Đại học Toán học; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Con thương binh	Giáo viên Toán học	Quốc học Quy Nhơn	Xuân Diệu	Anh		
5	Lê Tuấn Anh	16/02/1995		Kinh	Thạc sỹ Địa lý tự nhiên; Đại học Sư phạm Địa lý		Giáo viên Địa lý	Chuyên Chu Văn An	Không có	Anh		
6	Bùi Phương Hoàng Anh	12/08/1989	X	Kinh	Đại học Tiếng Anh, Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Con thương binh	Giáo viên Tiếng Anh	Số 2 An Nhơn	Số 3 An Nhơn		X	
7	Nguyễn Trịnh Tú Anh	31/12/1995	X	Kinh	Đại học Hệ thống thông tin quản lý; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên Tin học	PTDNTN THCS&THPT Văn Canh	Không có	Anh		
8	Huỳnh Thị Minh Anh	21/02/1998	X	Kinh	Đại học sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Tam Quan	Nguyễn Du	Anh		
9	Nguyễn Trần Ngọc Ánh	30/10/2000	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 3 An Nhơn	Nguyễn Du		X	
10	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	20/11/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Lịch sử		Giáo viên Lịch sử	Trung Vương	Quốc học Quy Nhơn	Anh		
11	Bùi Thị Thu Ánh	27/03/1993	X	Kinh	Cao đẳng Tin học Ứng dụng		Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm	Chuyên Lê Quý Đôn	Không có	Anh		
12	Văn Cao Bảo	17/06/2001		Kinh	cử nhân giáo dục thể chất		Giáo viên Giáo dục thể chất	Bùi Thị Xuân	Trần Cao Vân	Anh		
13	Lê Duy Bảo	14/09/1997		Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 2 An Nhơn	Số 3 An Nhơn		X	
14	Nguyễn Văn Bảo	22/02/1997		Kinh	Đại học Sư phạm Toán học	HTNVQS	Giáo viên Toán học	Ngô mây	Hùng Vương	Anh		
15	Lê Nguyễn Kỳ Băng	20/04/2001	X	Kinh	Đại học Sư phạm Địa lý		Giáo viên Địa lý	Nguyễn Diêu	Số 2 Phù Cát	Anh		
16	Trương Thanh Báu	06/09/1995		Kinh	Thạc sỹ Vật lý chất rắn; Đại học Sư phạm Vật lý		Giáo viên Vật lý	Xuân Diệu	PTDNTN THCS&THPT Văn Canh	Anh		

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển			Thi ngoại ngữ	Miễn thi ngoại ngữ	Ghi chú
							Vị trí việc làm	Trường, đơn vị				
								Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2			
17	Trần Thị Bé	18/08/1991	X	Kinh	Đại học Tài chính - Ngân hàng		Nhân viên Kế toán	Tăng Bạt Hồ	Số 1 Phù Mỹ	Anh		
18	Ngô Cao Nghĩa Loan Bích	06/01/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Hòa Bình	Nguyễn Điều	Anh		
19	Cao Thị Bích	03/06/1996	X	Kinh	Thạc sỹ Ngôn ngữ học; Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Trung Vương	Trần Cao Vân	Anh		
20	Đỗ Thị Bích	25/03/2001	X	Kinh	Đại học sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Nguyễn Du	Mỹ Thọ		X	
21	Phan Thị Bích	20/02/1999	X	Kinh	Đại học Ngôn ngữ Anh; chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên Tiếng Anh	Số 2 An Nhơn	Số 3 An Nhơn		X	
22	Lê Biễn	22/03/1995		Kinh	Đại học Sư phạm Lịch sử		Giáo viên Lịch sử	Nguyễn Huệ	Nguyễn Thái Học	Anh		
23	Lê Công Biện	10/10/1989		Kinh	Thạc sĩ Toán học, Đại học sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Ngô Mây	Nguyễn Trường Tộ	Anh		
24	Thái Xuân Bình	11/12/1999		Kinh	Đại học sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 2 An Nhơn	Ngô Mây		X	
25	Võ Thị Ý Bình	11/08/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Nguyễn Du	An Lão	Anh		
26	Thạch Sam Bô	15/05/1986		Khơ me	Thạc sỹ Khoa học vật lý; Đại học Sư phạm Vật lý	DTTS	Giáo viên Vật lý	Chuyên Chu Văn An	Chuyên Lê Quý Đôn	Anh		
27	Thái Thị Cẩm	06/04/1999	X	Kinh	Đại học Sư phạm Lịch sử		Giáo viên Lịch sử	Nguyễn Huệ	Nguyễn Thái Học	Anh		
28	Bùi Thị Thanh Cang	06/06/1995	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 3 An Nhơn	Số 2 An Nhơn		X	
29	Trần Thị Bích Cẩm	25/08/1999	X	Kinh	Đại học sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 3 An Nhơn	Nguyễn Du		X	
30	Nguyễn Thành Công	07/08/1989		Kinh	Đại học Sư phạm Tin học		Giáo viên Tin học	PTDINT THCS&THPT Văn Canh	Không có	Anh		
31	Nguyễn Văn Cường	04/05/1996		Kinh	Thạc sĩ Toán ứng dụng, Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Ngô Mây	Bình Dương	Anh		
32	Bùi Bá Cường	30/04/1999		Kinh	Đại học Sư phạm Vật lý		Giáo viên Vật lý	Ngô Mây	Số 1 Tuy Phước	Anh		
33	Nguyễn Việt Cường	25/10/1992		Kinh	Đại học Kế toán		Nhân viên Kế toán	Tăng Bạt Hồ	Số 1 Phù Mỹ	Anh		
34	Lê Thị Mỹ Châu	10/02/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 2 An Nhơn	Số 3 An Nhơn		X	
35	Nguyễn Thị Kim Chi	12/10/1997	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Nguyễn Du	Hết chỉ tiêu		X	
36	Lê Nhã Chi	01/04/1998	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 3 An Nhơn	Số 2 An Nhơn		X	

TT	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển			Thi ngoại ngữ	Miễn thi ngoại ngữ	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Trường, đơn vị				
									Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2			
37	Trần Quốc	Chiến	05/10/1992		Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 3 An Nhơn	Không có		X	
38	Nguyễn Đình	Chiến	22/11/1991		Kinh	Thạc sỹ Đại số và Lý thuyết số; Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Vân Canh	Không có	Anh		
39	Lê Thị	Chính	16/05/1995	X	Kinh	Đại học Sư Phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ Văn	Võ Giũr	Mỹ Thọ	Anh		
40	Nguyễn Công	Chính	14/01/2001		Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Vân Canh	Hùng Vương	Anh		
41	Phan Mỹ	Chính	01/01/1997		Kinh	Đại học Công nghệ thông tin		Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm	Chuyên Lê Quý Đôn	Chuyên Chu Văn An	Anh		
42	Đỗ Văn	Chung	06/01/2000		Kinh	Đại học Giáo dục chính trị	NVQS	Giáo viên Giáo dục kinh tế và pháp luật	Số 1 Tuy Phước	PTDNTN THCS&THPT Vân Canh	Anh		
43	Nguyễn Thị Thuỳ	Chương	04/06/2000	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Nguyễn Du	Mỹ Thọ		X	
44	Đoàn Đại	Danh	07/03/1991		Kinh	Đại học Vật lý; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên Vật lý	Số 2 An Nhơn	PTDNTN THCS&THPT Vĩnh Thạnh	Anh		
45	Nguyễn Thị	Diễm	16/10/1991	X	Kinh	Đại học Ngữ văn; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên Ngữ văn	Trần Cao Vân	Trung Vương	Anh		
46	Nguyễn Thị Thu	Diễm	29/10/1992	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Ngô Mây	Số 3 An Nhơn		X	
47	Nguyễn Thị Hồng	Diễm	18/08/1995	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Ngô Mây	Số 2 An Nhơn		X	
48	Nguyễn Thúy	Diễm	12/09/1995	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 3 An Nhơn	Số 2 An Nhơn		X	
49	Ung Thị Mỹ	Diễm	17/10/1995	X	Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Nguyễn Thái Học	Trần Cao Vân	Anh		
50	Phùng Thị Hồng	Diễm	05/05/1998	X	Kinh	Thạc sỹ Phương pháp Toán sơ cấp; Đại học Toán học; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên Toán học	Quang Trung	Số 3 An Nhơn	Anh		
51	Trần Thị Kiều	Diễm	27/02/1993	X	Kinh	Đại học Sư phạm Vật lý		Giáo viên Vật lý	Ngô Mây	PTDNTN THCS&THPT Vân Canh	Anh		
52	Huỳnh Thị Mai	Diễm	01/12/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Vật lý		Giáo viên Vật lý	PTDNTN THCS&THPT Vân Canh	PTDNTN THCS&THPT Vĩnh Thạnh	Anh		
53	Hà Thị Mỹ	Diễm	18/02/1992	X	Kinh	Đại học Công nghệ kỹ thuật môi trường		Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm	Chuyên Lê Quý Đôn	Không có	Anh		
54	Hồ Thị	Diễm	28/02/1990	X	Kinh	Thạc sỹ Lý luận và Phương pháp dạy học Tiếng Anh, Cử nhân Ngôn ngữ Anh, Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên Tiếng Anh	Mỹ Thọ	Không có		X	
55	Đỗ Thị Ngọc	Diễm	02/09/1994	X	Kinh	Đại học Giáo dục chính trị		Giáo viên Giáo dục kinh tế và pháp luật	Số 1 Phù Mỹ	Tăng Bạt Hồ	Anh		
56	Võ Công	Diện	06/12/1993		Kinh	Đại học sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Nguyễn Diêu	Tây Sơn	Anh		

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển			Thi ngoại ngữ	Miễn thi ngoại ngữ	Ghi chú
							Vị trí việc làm	Trường, đơn vị				
								Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2			
57	Phạm Thế Diệp	01/02/1994		Kinh	Đại học Giáo dục thể chất		Giáo viên Giáo dục thể chất	Số 1 Phù Mỹ	Bùi Thị Xuân	Anh		
58	Hà Thị Tú Diệp	18/10/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 3 An Nhơn	Số 2 An Nhơn		X	
59	Phạm Nữ Ngọc Diệp	09/02/1999	X	Kinh	Thạc sỹ Khoa học dữ liệu ứng dụng; Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Hòa Bình	Nguyễn Trường Tộ	Anh		
60	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	29/09/1982	X	Kinh	Trung cấp chuyên nghiệp Y sỹ đa khoa		Nhân viên Y tế	Nguyễn Trường Tộ	Ngô Mây	Anh		
61	Trần Thị Ngọc Diệu	01/09/1992	X	Kinh	Thạc sỹ Ngôn ngữ học, Đại học Ngữ văn, Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên Ngữ văn	Trung Vương	Không có	Anh		
62	Phan Thị Kim Diệu	25/12/1996	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Mỹ Thọ	Không có		X	
63	Hồ Thị Diệu	10/04/1999	X	Kinh	Đại học sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Ngô Mây	Không có		X	
64	Đặng Thị Diệu	19/01/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Ngô Mây	Mỹ Thọ		X	
65	Nguyễn Thanh Diệu	15/04/1986	X	Kinh	Thạc sĩ Đảm bảo toán học cho máy tính và hệ thống tính toán, Cử nhân toán – tin học, Chứng chỉ nghiệp vụ		Giáo viên Toán học	Trung Vương	Trần Cao Vân	Anh		
66	Lê Đình Du	15/06/2002		Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Nguyễn Du	Tam Quan	Anh		
67	Bùi Thị Dung	03/11/1994	X	Kinh	Thạc sỹ Lịch sử Việt Nam; Đại học Lịch sử; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên Lịch sử	Quốc học Quy Nhơn	Trung Vương	Anh		
68	Nguyễn Thị Thùy Dung	10/05/1996	X	Kinh	Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Nguyễn Thái Học	Số 1 Tuy Phước	Anh		
69	Trần Phan Thùy Dung	21/08/1996	X	Kinh	Thạc sỹ Ngôn ngữ học; Đại học sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Trung Vương	Không có	Anh		
70	Nguyễn Thị Xuân Dung	16/11/1998	X	Kinh	Thạc sỹ Ngôn ngữ Anh; Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Ngô Mây	Số 2 An Nhơn		X	
71	Lê Kim Dung	15/06/2000	X	Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Chuyên Chu Văn An	Không có	Anh		
72	Nguyễn Thị Mỹ Dung	16/05/2001	X	Kinh	Đại học Sư phạm Vật lý		Giáo viên Vật lý	Chuyên Chu Văn An	Chuyên Lê Quý Đôn	Anh		
73	Nguyễn Thị Thùy Dung	04/07/1996	X	Kinh	Trung cấp Y sỹ đa khoa		Nhân viên Y tế	Ngô Mây	Phan Bội Châu	Anh		
74	Nguyễn Văn Dũng	20/05/1998		Kinh	Đại học sư phạm Giáo dục thể chất		Giáo viên Giáo dục thể chất	Bùi Thị Xuân	Trung Vương	Anh		
75	Nguyễn Tường Duy	20/07/1993		Kinh	Đại học Sư phạm Hóa học		Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm	Nguyễn Trung Trực	PTDINT THCS&THPT Vinh Thạnh	Anh		
76	Võ Trọng Duy	10/08/1990		Kinh	Trung cấp Y sỹ đa khoa		Nhân viên Y tế	Ngô Lê Tân	Ngô Mây	Anh		

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển			Thi ngoại ngữ	Miễn thi ngoại ngữ	Ghi chú
							Vị trí việc làm	Trường, đơn vị				
								Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2			
77	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	24/04/2002	X	Kinh	Đại học sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Mỹ Thọ	Số 2 An Nhơn		X	
78	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	28/12/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 2 An Nhơn	Không có		X	
79	Nguyễn Thị Thanh Duyên	10/10/1992	X	Kinh	Đại học Tiếng Anh; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên Tiếng Anh	Số 2 An Nhơn	Không có		X	
80	Phạm Thị Mỹ Duyên	03/10/2000	X	Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Nguyễn Trường Tộ	Không có	Anh		
81	Phan Thanh Duyên	01/08/1996	X	Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Trung Vương	Nguyễn Thái Học	Anh		
82	Đặng Thị Mỹ Duyên	02/12/1996	X	Kinh	Đại học Sư phạm Vật lý		Giáo viên Vật lý	Số 1 Tuy Phước	Xuân Diệu	Anh		
83	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	02/12/2000	X	Kinh	Đại học Luật, CC Nghiệp vụ Thông tin – Thư viện		Nhân viên Thư viện	Xuân Diệu	Số 1 An Nhơn	Anh		
84	Đinh Thị Dước	10/10/1993	X	Bana	Trung cấp Y sỹ đa khoa	DTTS	Nhân viên Y tế	PTDNTN THCS&THPT Vĩnh Thanh	Số 1 Tuy Phước	Anh		
85	Trần Trang Đài	08/02/1991	X	Kinh	Đại học Ngôn ngữ Anh; chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên Tiếng Anh	Hết chỉ tiêu	Số 2 An Nhơn		X	
86	Đặng Thanh Đào	15/12/1994		Kinh	Đại học Sư phạm Lịch sử		Giáo viên Lịch sử	Nguyễn Thái Học	Trung Vương	Anh		
87	Ngô Thị Hồng Đào	09/10/1997	X	Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Nguyễn Thái Học	Trung Vương	Anh		
88	Võ Thị Hồng Đào	07/02/1990	X	Kinh	Đại học Sinh học		Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm	Chuyên Lê Quý Đôn	Không có	Anh		
89	Nguyễn Thành Đạt	21/09/2002		Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Quang Trung	Vân Canh	Anh		
90	Đặng Nguyễn Hoàng Đăng	27/02/1998	X	Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Bình Dương	Nguyễn Thái Học	Anh		
91	Đặng Thị Hồng Diệp	06/03/1995	X	Kinh	Đại học Sư phạm Vật lý		Giáo viên Vật lý	Ngô Mây	Số 2 An Nhơn	Anh		
92	Đỗ Điều	10/08/1999		Kinh	Đại học Sư phạm Tin học	Hoàn thành nghĩa vụ quân	Giáo viên Tin học	PTDNTN THCS&THPT Vân Canh	Không có	Anh		
93	Hà Thái Định	21/07/1984		Kinh	Thạc sĩ Toán Giải tích, Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Ngô Mây	Nguyễn Trường Tộ	Anh		
94	Nguyễn Thị Đoan	30/09/1993	X	Kinh	Đại học Kế toán		Nhân viên Kế toán	Số 1 Phù Mỹ	Tăng Bạt Hồ	Anh		
95	Nguyễn Khắc Đô	04/08/2002		Kinh	Đại học Giáo dục thể chất		Giáo viên Giáo dục thể chất	Số 1 Phù Mỹ	Trung Vương	Anh		
96	Nguyễn Bùi Phương Đông	08/10/1999	X	Kinh	Đại học Ngôn ngữ Anh; chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên Tiếng Anh	Số 2 An Nhơn	Số 3 An Nhơn		X	

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển			Thi ngoại ngữ	Miễn thi ngoại ngữ	Ghi chú
							Vị trí việc làm	Trường, đơn vị				
								Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2			
97	Lê Thị Đông	09/03/1991	X	Kinh	Đại học Sư phạm Vật lý		Giáo viên Vật lý	Số 1 Tuy Phước	Xuân Diệu	Anh		
98	Trần Minh Đức	02/03/1992		Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Vân Canh	Ngô Mây	Anh		
99	Hồ Anh Đức	10/09/1997		Kinh	Đại học sư phạm Vật lý		Giáo viên Vật lý	PTDTNT THCS&THPT Vân Canh	Không có	Anh		
100	Nguyễn Huỳnh Đức	26/10/1999		Kinh	Thạc sĩ Vật lý chất rắn; Đại học Sư phạm Vật lý		Giáo viên Vật lý	Số 1 Tuy Phước	Số 2 An Nhơn	Anh		
101	Trịnh Hưng Đức	05/07/1988		Kinh	Thạc sĩ Vật lý lý thuyết và Vật lý Toán, Đại học Sư phạm Vật lý		Giáo viên Vật lý	Số 2 An Nhơn	Số 1 Tuy Phước	Anh		
102	Đỗ Văn Gia	25/04/1984		Kinh	Đại học Lịch sử; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên Lịch sử	PTDTNT THCS&THPT Vân Canh	PTDTNT THCS&THPT Vĩnh Thạnh	Anh		
103	Nguyễn Ngọc Gia	10/09/1972		Kinh	Trung cấp Y sĩ đa khoa		Nhân viên Y tế	Phan Bội Châu	Không có	Anh		
104	Huỳnh Thị Giang	30/04/1997	X	Kinh	Đại học Sư phạm Địa lý		Giáo viên Địa lý	Tam Quan	Nguyễn Bình Khiêm	Anh		
105	Lê Quỳnh Giang	08/02/2000	X	Kinh	Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Hết chỉ tiêu	Trung Vương	Anh		
106	Dương Lê Hương	25/07/2001	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 2 An Nhơn	Không có		X	
107	Lê Thị Trường Giang	23/10/1999	X	Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Chuyên Chu Văn An	Không có	Anh		
108	Lê Thị Trà Giang	26/06/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Vật lý		Giáo viên Vật lý	Số 1 Tuy Phước	Xuân Diệu	Anh		
109	Hồ Lương Ngọc Giàu	17/09/1998	X	Kinh	Đại học Quản lý nhà nước; Chứng chỉ thư viện - thiết bị trường học		Nhân viên Thư viện	Tăng Bạt Hổ	Không có	Anh		
110	Trần Thị Lệ Hà	24/09/1998	X	Kinh	Đại học Sư phạm Địa lý		Giáo viên Địa lý	Số 2 Phù Cát	Bùi Thị Xuân	Anh		
111	Mai Thị Hà	23/06/1991	X	Kinh	Đại học Sư phạm Địa lý		Giáo viên Địa lý	Tam Quan	Nguyễn Bình Khiêm	Anh		
112	Lê Thị Hồng Hà	14/04/1987	X	Kinh	Đại học Sư phạm Lịch sử		Giáo viên Lịch sử	Số 2 An Nhơn	Số 2 Tuy Phước	Anh		
113	Nguyễn Thị Ngọc Hà	09/12/1999	X	Kinh	Thạc sĩ Ngôn ngữ học; Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Nguyễn Thái Học	Trần Cao Vân	Anh		
114	Phan Võ Thị Trúc Hà	02/01/1993	X	Kinh	Đại học sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Số 2 An Nhơn	Nguyễn Diệu	Anh		
115	Trần Thị Hà	21/01/1992	X	Kinh	Đại học Ngữ văn, CC NVSP		Giáo viên Ngữ văn	Võ Giữ	Mỹ Thọ	Anh		
116	Phạm Thị Thuý Hà	25/01/1997	X	Kinh	Đại học Ngôn ngữ Anh; CC NVSP		Giáo viên Tiếng Anh	Mỹ Thọ	Ngô Mây		X	

TT	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển			Thi ngoại ngữ	Miễn thi ngoại ngữ	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Trường, đơn vị				
									Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2			
117	Nguyễn Việt	Hà	20/10/2002		Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 2 An Nhơn	Mỹ Thọ		X	
118	Bùi Thị Mỹ	Hà	16/04/1999	X	Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Nguyễn Thái Học	Không có	Anh		
119	Đặng Thị	Hà	14/11/1990	X	Kinh	Đại học Sư phạm Sinh học; Cao đẳng Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp - Sinh		Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm	Chuyên Lê Quý Đôn	Không có	Anh		
120	Nguyễn Thị Xuân	Hạ	24/07/1996	X	Kinh	Đại học Giáo dục chính trị		Giáo viên Giáo dục kinh tế và pháp luật	Số 1 Tuy Phước	Nguyễn Hữu Quang	Anh		
121	Trần Ngọc	Hải	11/07/2002		Kinh	Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Hòa Bình	Nguyễn Trường Tộ	Anh		
122	Trần Nam	Hải	27/08/1992		Kinh	Thạc sỹ Toán giải tích; Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Bình Dương	Nguyễn Du	Anh		
123	Kiều Thị Mỹ	Hạn	21/07/1997	X	Kinh	Đại học Kế toán		Nhân viên Kế toán	Số 1 Phù Mỹ	Tăng Bạt Hổ	Anh		
124	Phạm Thị Hồng	Hạnh	05/02/1999	X	Kinh	Đại học Giáo dục thể chất		Giáo viên Giáo dục thể chất	Bùi Thị Xuân	Số 1 Phù Mỹ	Anh		
125	Phan Thị	Hạnh	29/06/1992	X	Kinh	Đại học Sư phạm Lịch sử		Giáo viên Lịch sử	Phan Bội Châu	Tam Quan	Anh		
126	Thái Thị	Hạnh	20/12/1998	X	Kinh	Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Số 1 Tuy Phước	Nguyễn Diêu	Anh		
127	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	28/03/1995	X	Kinh	Đại học sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Trung Vương	Vĩnh Thạnh	Anh		
128	Trương Thị Bích	Hạnh	17/02/1991	X	Kinh	Đại học Ngữ văn, Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên Ngữ văn	Trung Vương	Trần Cao Vân	Anh		
129	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	10/12/1997	X	Kinh	Thạc sỹ Lý luận và phương pháp dạy học Tiếng Anh; Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 3 An Nhơn	Số 2 An Nhơn		X	
130	Trần Thị Mỹ	Hạnh	22/02/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Tam Quan	Nguyễn Du	Anh		
131	Trần Đặng Vũ	Hằng	21/09/1992	X	Kinh	Thạc sỹ Sinh học thực nghiệm; Đại học Sư phạm Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp		Giáo viên Công nghệ Sinh	Hùng Vương	Không có	Anh		
132	Chế Thị Thu	Hằng	10/02/1997	X	Kinh	Đại học Sư phạm Địa lý		Giáo viên Địa lý	An Lão	PTDNTN THCS&THPT An Lão	Anh		
133	Nguyễn Thị Thủy	Hằng	25/08/1988	X	Kinh	Đại học Sư phạm Địa lý		Giáo viên Địa lý	Tam Quan	Số 2 Phù Cát	Anh		
134	Nguyễn Thị	Hằng	19/12/1992	X	Kinh	Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Quang Trung	Tây Sơn	Anh		
135	Đoàn Thị Mỹ	Hằng	03/06/1997	X	Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Vân Canh	Bùi Thị Xuân	Anh		
136	Lê Ngọc	Hân	24/08/2000	X	Kinh	Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Trần Cao Vân	Quang Trung	Anh		

TT	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển			Thi ngoại ngữ	Miền thi ngoại ngữ	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Trường, đơn vị				
									Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2			
137	Võ Thị Ngọc	Hân	15/02/1998	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Mỹ Thọ	Ngô Mây		X	
138	Đặng Thị Mỹ	Hân	20/09/1996	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 3 An Nhơn	Mỹ Thọ		X	
139	Võ Lê Hồng	Hân	19/10/1997	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 3 An Nhơn	Số 2 An Nhơn		X	
140	Đặng Khuất	Hậu	10/10/1988		Kinh	Đại học Văn học; chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên Ngữ văn	Võ Giừ	Số 2 An Nhơn	Anh		
141	Lê Văn	Hậu	04/09/1991		Kinh	Thạc sỹ Đại số và Lý thuyết số; Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Quốc học Quy Nhơn	Trung Vương	Anh		
142	Võ Đức	Hậu	10/12/1996		Kinh	Đại học Sư phạm Vật lý		Giáo viên Vật lý	Xuân Diệu	TĐTN THCS&THPT Vĩnh Thanh	Anh		
143	Nguyễn Thị Thu	Hiền	29/08/1997	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Ngô Mây	Không có		X	
144	Lê Thị Thu	Hiền	05/03/1995	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 3 An Nhơn	Số 2 An Nhơn		X	
145	Bùi Thị Thanh	Hiền	19/08/1999	X	Kinh	Thạc sỹ Đại số và lý thuyết số; Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Nguyễn Thái Học	Trung Vương	Anh		
146	Nguyễn Thị Lệ	Hiền	12/02/1992	X	Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Quốc học Quy Nhơn	Trung Vương	Anh		
147	Nguyễn Thị Lệ	Hiền	30/07/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Trung Vương	Nguyễn Thái Học	Anh		
148	Nguyễn Thị Thu	Hiền	30/09/1993	X	Kinh	Trung cấp Y sĩ đa khoa		Nhân viên Y tế	Phan Bội Châu	Tăng Bạt Hổ	Anh		
149	Bùi Thị Thu	Hiền	03/05/1998	X	Kinh	Trung cấp Y sỹ đa khoa		Nhân viên Y tế	Số 3 Tuy Phước	Số 1 Tuy Phước	Anh		
150	Võ Thị Minh	Hiệp	14/08/1992	X	Kinh	Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Nguyễn Diêu	Không có	Anh		
151	Võ Thị Mỹ	Hiệp	10/02/1992	X	Kinh	Đại học Ngôn ngữ Anh; chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Con thương binh	Giáo viên Tiếng Anh	Số 2 An Nhơn	Số 3 An Nhơn		X	
152	Phạm Thị Hồng	Hiệp	02/05/1996	X	Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Quang Trung	Số 3 An Nhơn	Anh		
153	Lê Huỳnh	Hiệp	22/09/1997		Kinh	Thạc sỹ Phương pháp Toán sơ cấp; Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Xuân Diệu	Tam Quan	Anh		
154	Nguyễn Bảo Nhật	Hiếu	06/12/1999	X	Kinh	Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Nguyễn Thái Học	Không phù hợp	Anh		
155	Hà Thị	Hiếu	02/11/1993	X	Kinh	Đại học Ngôn ngữ Anh; chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên Tiếng Anh	Hết chỉ tiêu	Số 2 An Nhơn		X	
156	Võ Mai	Hoa	26/04/2002	X	Kinh	Đại học Giáo dục thể chất		Giáo viên Giáo dục thể chất	Bùi Thị Xuân	Trần Cao Vân	Anh		

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển			Thi ngoại ngữ	Miền thi ngoại ngữ	Ghi chú
							Vị trí việc làm	Trường, đơn vị				
								Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2			
157	Nguyễn Ngọc Khánh Hoa	27/08/1997	X	Kinh	Đại học Sư phạm Lịch sử		Giáo viên Lịch sử	Mỹ Thọ	Phan Bội Châu	Anh		
158	Nguyễn Thị Hoa	02/03/1999	X	Kinh	Đại học Sư phạm Vật lý		Giáo viên Vật lý	Xuân Diệu	Số 2 An Nhơn	Anh		
159	Phạm Trần Thu Hòa	20/02/1992	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Ngô Mây	Mỹ Thọ		X	
160	Nguyễn Xuân Hòa	08/09/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 2 An Nhơn	Mỹ Thọ		X	
161	Lê Thị Kim Hòa	01/02/1981	X	Kinh	Đại học Giáo dục tiểu học; chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm về giáo dục hòa nhập		Giáo viên Tiểu học	CBHV Quy Nhơn	Không có	Anh		
162	Nguyễn Xuân Hòa	25/02/1994		Kinh	Đại học Sư phạm Tin học		Giáo viên Tin học	Nguyễn Huệ	Tăng Bạt Hồ	Anh		
163	Nguyễn Ngọc Hóa	17/02/1994		Kinh	Đại học Sư phạm Địa lý	Con thương binh	Giáo viên Địa lý	Trần Quang Diệu	Nguyễn Bình Khiêm	Anh		
164	Lê Thành Hoan	07/09/1994		Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Số 1 Tuy Phước	Xuân Diệu	Anh		
165	Dương Thị Mỹ Hoàng	10/08/1992	X	Kinh	Đại học Giáo dục chính trị		Giáo viên Giáo dục kinh tế và pháp luật	Số 1 Tuy Phước	Ngô Mây	Anh		
166	Hồ Huy Hoàng	20/07/1995		Kinh	Đại học Sư phạm Vật lý		Giáo viên Vật lý	số 1 Tuy Phước	Không phù hợp	Anh		
167	Nguyễn Thị Thu Hoàng	12/03/1996	X	Kinh	Đại học Sư phạm Vật lý		Giáo viên Vật lý	PTDNT THCS&THPT Vân Canh	Không có	Anh		
168	Đình Văn Hội	07/01/1990		Bana	Trung cấp Y sĩ	DTTS	Nhân viên Y tế	PTDNT THCS&THPT Vĩnh Thạnh	Không phù hợp		X	
169	Huỳnh Thị Thúy Hồng	29/04/1992	X	Kinh	Đại học Sư phạm Giáo dục thể chất		Giáo viên Giáo dục thể chất	Trần Cao Vân	Trung Vương	Anh		
170	Đỗ Thị Hồng	14/04/1994	X	Kinh	Đại học Sư phạm Lịch sử		Giáo viên Lịch sử	Mỹ Thọ	Trung Vương	Anh		
171	Nguyễn Thị Thu Hồng	11/10/1998	X	Kinh	Đại học Sư Phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Mỹ Thọ	Trung Vương	Anh		
172	Trương Thu Hồng	02/05/1986	X	Kinh	Đại học Tiếng Anh; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên Tiếng Anh	Mỹ Thọ	Không có		X	
173	Nguyễn Thị Linh Huệ	12/06/1993	X	Kinh	Đại học Giáo dục công dân		Giáo viên Giáo dục kinh tế và pháp luật	Phan Bội Châu	Tăng Bạt Hồ	Anh		
174	Bùi Thị Kim Huệ	18/08/2001	X	Kinh	Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Nguyễn Diêu	Trung Vương	Anh		
175	Đỗ Thị Mỹ Huệ	26/02/1996	X	Kinh	Đại học Sư phạm Vật lý		Giáo viên Vật lý	PTDNT THCS&THPT Vân Canh	PTDNT THCS&THPT Vĩnh Thạnh	Anh		
176	Nguyễn Thị Thanh Kim	14/11/1990	X	Kinh	Thạc sĩ Vật lý chất rắn, Đại học Sư phạm Vật lý		Giáo viên Vật lý	số 1 Tuy Phước	Xuân Diệu	Anh		

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển			Thi ngoại ngữ	Miễn thi ngoại ngữ	Ghi chú
							Vị trí việc làm	Trường, đơn vị				
								Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2			
177	Nguyễn Thị Linh Huệ	22/09/1996	X	Kinh	Trung cấp Y sĩ đa khoa		Nhân viên Y tế	Tăng Bạt Hồ	Số 1 Tuy Phước	Anh		
178	Đào Phi Hùng	18/03/1994		Kinh	Đại học Sư phạm Lịch sử	SQDB	Giáo viên Lịch sử	Mỹ Thọ	Phan Bội Châu	Anh		
179	Thái Ngô Minh Hùng	16/12/1998		Kinh	Đại học Sư phạm Vật lý		Giáo viên Vật lý	Số 2 An Nhơn	Số 1 Tuy Phước	Anh		
180	Lê Thanh Huy	29/06/2001		Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Quốc học Quy Nhơn	Số 3 An Nhơn	Anh		
181	Đặng Thị Ngọc Huyền	29/09/1997	X	Kinh	Đại học Sư phạm Địa lý		Giáo viên Địa lý	Bùi Thị Xuân	Số 3 Tuy Phước	Anh		
182	Lê Trần Thu Huyền	04/02/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Võ Giữ	Tây Sơn	Anh		
183	Nguyễn Thị Khánh	26/12/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Nguyễn Du	Nguyễn Trường Tộ	Anh		
184	Võ Thụy Ngọc Huyền	09/05/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Trần Cao Vân	Không có	Anh		
185	Đoàn Quốc Hưng	08/06/2002		Kinh	Đại học Giáo dục thể chất		Giáo viên Giáo dục thể chất	Bùi Thị Xuân	Trung Vương	Anh		
186	Nguyễn Ngọc Hưng	04/10/2002		Kinh	Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Trung Vương	Trần Cao Vân	Anh		
187	Thần Thị Minh Hưng	05/11/1987	X	Kinh	Thạc sỹ Ngôn ngữ Anh; Đại học Ngôn ngữ Anh; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm Lý luận dạy học và giáo dục		Giáo viên Tiếng Anh	Số 2 An Nhơn	Ngô Mây		X	
188	Phan Nguyễn Thu Hương	05/05/1997	X	Kinh	Thạc sỹ Địa lý tự nhiên, Đại học sư phạm Địa lý		Giáo viên Địa lý	Trần Quang Diệu	Nguyễn Bình Khiêm	Anh		
189	Phạm Thị Hương	30/05/1987	X	Kinh	Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Số 1 Tuy Phước	Nguyễn Thái Học	Anh		
190	Ngô Thị Lan Hương	25/04/1997	X	Kinh	Thạc sỹ QLGD; Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Trần Cao Vân	Võ Giữ	Anh		
191	Phạm Thanh Hương	04/12/1995	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Hết chỉ tiêu	Số 2 An Nhơn		X	
192	Bùi Minh Hương	19/02/2001	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 2 An Nhơn	Nguyễn Du		X	
193	Tạ Lê Lan Hương	01/11/1994	X	Kinh	Thạc sỹ Toán giải tích; Đại học Toán học; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên Toán học	Số 3 An Nhơn	Tam Quan	Anh		
194	Bùi Thị Diễm Hương	10/05/1996	X	Kinh	Đại học Sư phạm Vật lý	Con người hướng chính sách như thương binh	Giáo viên Vật lý	Số 1 Tuy Phước	Xuân Diệu	Anh		
195	Phan Thị Kim Hương	15/06/1992	X	Kinh	Trung cấp Y sĩ đa khoa		Nhân viên Y tế	Tăng Bạt Hồ	Phan Bội Châu	Anh		

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển			Thi ngoại ngữ	Miền thi ngoại ngữ	Ghi chú
							Vị trí việc làm	Trường, đơn vị				
								Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2			
196	Nguyễn Thị Hương	07/12/1999	X	Kinh	Đại học Ngôn ngữ Anh; chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên Tiếng Anh	Hết chỉ tiêu	Số 2 An Nhơn		X	
197	Nguyễn Tiến Xuân	15/06/1989		Kinh	Đại học Sư phạm Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp		Giáo viên Công nghệ Sinh	Hùng Vương	Trần Cao Vân	Anh		
198	Lê Thị Í	02/12/1992	X	Kinh	Đại học Tiếng Anh; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên Tiếng Anh	Số 3 An Nhơn	Số 2 An Nhơn		X	
199	Nguyễn Tuấn Kiệt	06/06/2002		Kinh	Đại học Sư phạm Địa lý		Giáo viên Địa lý	Nguyễn Diêu	Xuân Diêu	Anh		
200	Trương Ngọc Kiệt	23/01/1997		Kinh	Thạc sỹ Vật lý chất rắn; Đại học Sư phạm Vật lý		Giáo viên Vật lý	Chuyên Lê Quý Đôn	Chuyên Chu Văn An	Anh		
201	Nguyễn Thị Mỹ Kiều	02/06/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Nguyễn Trường Tộ	Số 2 An Nhơn	Anh		
202	Phan Huỳnh Hải Kiều	09/10/1999	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Hết chỉ tiêu	Mỹ Thọ		X	
203	Tạ Thị Thúy Kiều	20/12/1995	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Nguyễn Du	Mỹ Thọ		X	
204	Nguyễn Thị Mỹ Kiều	16/11/1999	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 2 An Nhơn	Không có		X	
205	Dư Thúy Kiều	08/01/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 3 An Nhơn	Số 2 An Nhơn		X	
206	Dương Thúy Kiều	29/04/1999		Kinh	Đại học Tài chính - Ngân hàng		Nhân viên Kế toán	Tăng Bạt Hổ	Số 1 Phù Mỹ	Anh		
207	Bùi Thị Thúy Kiều	10/08/1989	X	Kinh	Đại học Khoa học Thư viện		Nhân viên Thư viện	Tăng Bạt Hổ	Chuyên Chu Văn An	Anh		
208	Huỳnh Hữu Kỳ	31/12/2002		Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Quang Trung	Số 3 An Nhơn	Anh		
209	Lưu Thị Thanh Kỳ	20/11/1996	X	Kinh	Thạc sỹ Vật lý chất rắn; Đại học Sư phạm Vật lý		Giáo viên Vật lý	Số 1 Tuy Phước	PTĐTNT THCS&THPT Vinh Thạnh	Anh		
210	Nguyễn Minh Khang	08/12/1998		Kinh	Đại học Giáo dục quốc phòng an ninh		Giáo viên Giáo dục quốc phòng và an ninh	Số 1 Tuy Phước	Không có	Anh		
211	Lý Vy Khang	09/09/1996		Kinh	Thạc sỹ Vật lý chất rắn; Đại học Sư phạm Vật lý		Giáo viên Vật lý	Số 2 An Nhơn	Ngô Mây	Anh		
212	Đinh Thị Khéo	10/10/1995	X	Bana	Đại học Sư phạm Lịch sử	DTTS	Giáo viên Lịch sử	PTĐTNT THCS&THPT Vinh Thạnh	Không có		X	
213	Huỳnh Đăng Khoa	19/01/2002		Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Mỹ Thọ	Số 3 An Nhơn		X	
214	Huỳnh Ngọc Đăng Khoa	20/04/2001	X	Kinh	Đại học Ngôn ngữ Anh; chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên Tiếng Anh	Nguyễn Du	Không có		X	
215	Huỳnh Quang Khôi	23/07/1995		Kinh	Thạc sỹ Lịch sử Việt Nam; Đại học Sư phạm Lịch sử		Giáo viên Lịch sử	Quốc học Quy Nhơn	PTĐNT THCS&THPT Văn Canh	Anh		

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển			Thi ngoại ngữ	Miễn thi ngoại ngữ	Ghi chú
							Vị trí việc làm	Trường, đơn vị				
								Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2			
216	Nguyễn Khương	20/02/1997		Kinh	Thạc sỹ Lịch sử Việt Nam; Đại học Sư phạm Lịch sử		Giáo viên Lịch sử	Phan Bội Châu	Nguyễn Thái Học	Anh		
217	Dương Ngọc Lai	08/04/1991		Kinh	Đại học Văn học; chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên Ngữ văn	Tây Sơn	Nguyễn Hồng Đạo	Anh		
218	Phan Thị Thúy Lài	10/02/1993	X	Kinh	Đại học Sư phạm Sinh học		Giáo viên Sinh học	Nguyễn Du	Không có	Anh		
219	Võ Thị Lài	20/11/1999	X	Kinh	Thạc sỹ Đại số và Lý thuyết số; Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Bùi Thị Xuân	Hòa Bình	Anh		
220	Nguyễn Hoàng Lam	24/04/2001		Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Bùi Thị Xuân	Số 1 Tuy Phước	Anh		
221	Lưu Mỹ Thùy Lam	19/12/1999	X	Kinh	Thạc sỹ Đại số và lý thuyết số; Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Vân Canh	Hòa Bình	Anh		
222	Nguyễn Lam	14/01/1992		Kinh	Đại học Sư phạm Vật lý		Giáo viên Vật lý	PTĐTNTHCS&THPT Vĩnh Thanh	Ngô Mây	Anh		
223	Trần Thị Mỹ Lan	21/05/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Nguyễn Thái Học	Trần Cao Vân	Anh		
224	Trần Thị Tuyết Lan	16/02/1996	X	Kinh	Thạc sỹ Toán giải tích; Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Quốc học Quy Nhơn	Trung Vương	Anh		
225	Lê Thị Châu Lan	10/12/1989	X	Kinh	Đại học Kế toán		Nhân viên Kế toán	Số 1 Phù Mỹ	Tăng Bạt Hổ	Anh		
226	Nguyễn Thị Lành	07/03/1999	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 3 An Nhơn	Ngô Mây		X	
227	Lê Thị Lành	20/08/2000	X	Kinh	Đại học Giáo dục tiểu học; chứng chỉ nghiệp vụ giáo dục hòa nhập		Giáo viên Tiểu học	CBHV Quy Nhơn	Không có	Anh		
228	Huỳnh Thị Lành	02/06/1994	X	Kinh	Trung cấp Y sĩ		Nhân viên Y tế	Phan Bội Châu	Tăng Bạt Hổ	Anh		
229	Nguyễn Thị Lắm	30/04/1998	X	Kinh	Đại học Sư phạm Địa lý		Giáo viên Địa lý	An Lão	Không có	Anh		
230	Ngô Thị Lắm	20/08/1987	X	Kinh	Thạc sỹ Văn học Việt Nam, Đại học Ngữ văn, CC NVSP		Giáo viên Ngữ văn	Võ Giừ	Mỹ Thọ	Anh		
231	Trương Việt Lâm	29/03/1994		Kinh	Đại học Giáo dục thể chất		Giáo viên Giáo dục thể chất	Số 1 Phù Mỹ	Trần Cao Vân	Anh		
232	Huỳnh Phúc Lân	19/01/1994		Kinh	Đại học Giáo dục thể chất		Giáo viên Giáo dục thể chất	Trung Vương	Trần Cao Vân	Anh		
233	Đình Văn Léc	01/01/1991		H'rê	Đại học Sư phạm Địa lý	DTST, Con TB	Giáo viên Địa lý	PTĐTNTHCS&THPT An Lão	Không có		X	
234	Huỳnh Lý Lệ	30/04/1994	X	Kinh	Đại học Kế toán		Nhân viên Kế toán	Tăng Bạt Hổ	Không có	Anh		
235	Võ Thị Lệ	14/09/1994	X	Kinh	Đại học Vật lý học	Con thương binh	Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm	Nguyễn Trung Trực	Trần Quang Diệu	Anh		

TT	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển			Thi ngoại ngữ	Miễn thi ngoại ngữ	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Trường, đơn vị				
									Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2			
236	Huỳnh Hiếu	Liên	22/06/1998		Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Nguyễn Trường Tộ	Số 3 An Nhơn	Anh		
237	Đặng Thị	Liên	24/05/1993	X	Kinh	Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Quang Trung	Tây Sơn	Anh		
238	Trần Thị Bích	Liểu	25/12/1993	X	Kinh	Đại học Thông tin thư viện		Nhân viên Thư viện	Bùi Thị Xuân	Quốc học Quy Nhơn	Anh		
239	Trương Thị	Liểu	12/05/1995	X	Kinh	Đại học Sư phạm Địa lý		Giáo viên Địa lý	Bùi Thị Xuân	PTDNT THCS&THPT An Lão	Anh		
240	Đặng Thị Bích	Liểu	11/03/1993	X	Kinh	Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Quang Trung	Không có	Anh		
241	Nguyễn Thị Thủy	Linh	16/12/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Lịch sử		Giáo viên Lịch sử	Chuyên Chu Văn An	Không có	Anh		
242	Lê Thị Mỹ	Linh	01/01/2001	X	Kinh	Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Hòa Bình	Nguyễn Diêu	Anh		
243	Lê Thị Mỹ	Linh	10/02/1996	X	Kinh	Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Nguyễn Diêu	Nguyễn Thái Học	Anh		
244	Tạ Thị Thanh	Linh	31/05/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Ngô Mây	Số 3 An Nhơn		X	
245	Lê Hoài	Linh	12/05/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Nguyễn Du	Không có		X	
246	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	04/06/1992	X	Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Nguyễn Thái Học	Trần Cao Vân	Anh		
247	Võ Nhất	Linh	06/09/2001		Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Vân Canh	An Lão	Anh		
248	Nguyễn Yên	Linh	13/04/2000	X	Kinh	Đại học Sư phạm Hóa học		Nhân viên Giáo vụ	PTDNT THCS&THPT Vĩnh Thạnh	Chuyên Chu Văn An	Anh		
249	Lê Thị Kiều	Linh	15/08/1998	X	Kinh	Đại học Kế toán		Nhân viên Kế toán	Số 1 Phù Mỹ	Tăng Bạt Hổ	Anh		
250	Nguyễn Thị Kim Loan		15/09/1996	X	Kinh	Đại học Sư phạm Lịch sử		Giáo viên Lịch sử	Mỹ Thọ	Trung Vương	Anh		
251	Nguyễn Thị Bích Loan		26/01/1997	X	Kinh	Đại học Sư phạm Lịch sử		Giáo viên Lịch sử	Nguyễn Thái Học	Quốc học Quy Nhơn	Anh		
252	Bùi Thị Bích	Loan	06/02/1992	X	Kinh	Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Nguyễn Diêu	Không có	Anh		
253	Trần Thị Bích	Loan	30/01/1997	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Mỹ Thọ	Nguyễn Du		X	
254	Hà Thị	Loan	03/10/1995	X	Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Hòa Bình	Nguyễn Trường Tộ	Anh		
255	Nguyễn Thị Thanh	Loan	23/11/1999	X	Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Hùng Vương	Bùi Thị Xuân	Anh		

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển			Thi ngoại ngữ	Miễn thi ngoại ngữ	Ghi chú
							Vị trí việc làm	Trường, đơn vị				
								Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2			
256	Nguyễn Thị Bích Lợi	24/02/2000	X	Kinh	Đại học Giáo dục thể chất		Giáo viên Giáo dục thể chất	Trung Vương	Bùi Thị Xuân	Anh		
257	Lê Anh Luân	01/03/1990		Kinh	Đại học Giáo dục thể chất - quốc phòng		Giáo viên Giáo dục quốc phòng và an ninh	Hòa Bình	Không có	Anh		
258	Vũ Thành Luân	20/07/1992		Kinh	Đại học Sư phạm Vật lý		Giáo viên Vật lý	Số 2 An Nhơn	Ngô Mây	Anh		
259	Đình Thanh Bảo Luyến	16/05/2002	X	Kinh	Đại học sư phạm Toán		Giáo viên Toán học	Bình Dương	Ngô Mây	Anh		
260	Đặng Thị Luyến	05/09/1987	X	Kinh	Đại học Kế toán		Nhân viên Kế toán	Số 1 Phù Mỹ	Không có	Anh		
261	Nguyễn Thị Lựu	17/06/1995	X	Kinh	Đại học Sư phạm Lịch sử		Giáo viên Lịch sử	Nguyễn Diêu	Không có	Anh		
262	Nguyễn Thị Lựu	30/06/1996	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Hết chỉ tiêu	Số 2 An Nhơn		X	
263	Huỳnh Thị Ly Ly	10/12/1993	X	Kinh	Đại học Giáo dục thể chất		Giáo viên Giáo dục thể chất	Số 1 Phù Mỹ	Trần Cao Vân	Anh		
264	Nguyễn Thị Ái Ly	17/01/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Lịch sử		Giáo viên Lịch sử	Quốc học Quy Nhơn	Nguyễn Thái Học	Anh		
265	Nguyễn Thị Mỹ Ly	02/09/1992	X	Kinh	Thạc sỹ Văn học Việt Nam; Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Nguyễn Hồng Đạo	Ngô Mây	Anh		
266	Trần Thị Kim Ly	22/11/1997	X	Kinh	Đại học Ngôn ngữ Anh; chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên Tiếng Anh	Số 3 An Nhơn	Không có		X	
267	Nguyễn Thị Mỹ Ly	24/04/1994	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 3 An Nhơn	Số 2 An Nhơn		X	
268	Đặng Phan Tiểu Ly	21/03/1994	X	Kinh	Thạc sỹ Giáo dục học; Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 3 An Nhơn	Số 2 An Nhơn		X	
269	Lê Vi Ly	13/08/2001	X	Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Nguyễn Du	Bùi Thị Xuân	Anh		
270	Nguyễn Thị Hoa Ly	10/03/2002	X	Kinh	Đại học Hóa học		Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm	Chuyên Lê Quý Đôn	Nguyễn Trung Trực	Anh		
271	Sô Y Mai	30/01/1994	X	Bana	Đại học Giáo dục chính trị	DTTS	Giáo viên Giáo dục Kinh tế và Pháp luật	THCS&THPT Vân Canh	Số 1 Tuy Phước	Anh		
272	Hồ Thị Phương Mai	13/06/2000	X	Kinh	Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Trung Vương	Nguyễn Diêu	Anh		
273	Huỳnh Thị Thùy Mai	15/04/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Hết chỉ tiêu	Mỹ Thọ		X	
274	Phạm Thị Mai	19/05/1997	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh	Con người hướng	Giáo viên Tiếng Anh	Số 2 An Nhơn	Số 3 An Nhơn		X	
275	Võ Cao Thuý Mai	12/12/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 2 An Nhơn	Mỹ Thọ		X	

TT	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển			Thi ngoại ngữ	Miền thi ngoại ngữ	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Trường, đơn vị				
									Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2			
276	Nguyễn Thị Xuân	Mai	29/12/1997	X	Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Ngô Mây	Số 3 An Nhơn	Anh		
277	Nguyễn Thị Quỳnh	Mai	03/06/1997	X	Kinh	Thạc sỹ Phương pháp Toán sơ cấp; Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Trần Cao Vân	Ngô Mây	Anh		
278	Nguyễn Thị Phương	Mai	01/08/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Trung Vương	Trần Cao Vân	Anh		
279	Nguyễn Thị Tố Mai	Mai	22/07/1997	X	Kinh	Đại học Sư phạm Vật lý		Giáo viên Vật lý	PTDTNT THCS&THPT Vĩnh Thạnh	Không có	Anh		
280	Nguy Vũ Phương	Mai	05/10/1996	X	Kinh	Thạc sỹ Khoa học dữ liệu ứng dụng Đại học Sư phạm Vật lý		Giáo viên Vật lý	Số 1 Tuy Phước	Số 2 An Nhơn	Anh		
281	Đinh Thị Xuân	Mai	03/12/1982	X	Kinh	Thạc sỹ du lịch; Đại học Thông tin thư viện		Nhân viên Thư viện	Quốc học Quy Nhơn	Không có	Anh		
282	Ngô Thị Hoàng	Mai	02/06/1994	X	Kinh	Trung cấp Y sĩ		Nhân viên Y tế	Số 3 Tuy Phước	Nguyễn Trường Tộ	Anh		
283	Nguyễn Thị Mâu	Mai	08/10/1998	X	Kinh	Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Vĩnh Thạnh	Quang Trung	Anh		
284	Trần Thúy Mân	Mai	18/10/1999	X	Kinh	Đại học Ngôn ngữ Anh; chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên Tiếng Anh	Mỹ Thọ	Ngô Mây		X	
285	Lê Văn Mẫn	Mai	01/07/2000		Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Hòa Bình	Bình Dương	Anh		
286	Dương Thị Mến	Mai	09/08/1997	X	Kinh	Đại học Sư phạm Lịch sử		Giáo viên Lịch sử	Nguyễn Thái Học	Số 2 Tuy Phước	Anh		
287	Võ Thị Ngọc	Mến	20/12/1983	X	Kinh	Đại học Ngữ văn, Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên Ngữ văn	Nguyễn Thái Học	Số 2 An Nhơn	Anh		
288	Trần Thị Mi	Mai	02/09/1990	X	Chăm	Đại học Giáo dục chính trị	DTST	Giáo viên Giáo dục kinh tế và pháp luật	PTDTNT THCS&THPT Vân Canh	Không có		X	
289	Phan Thị Tuyết	Minh	26/01/1993	X	Kinh	Đại học Sư phạm Địa lý		Giáo viên Địa lý	PTDTNT THCS&THPT An Lão	An Lão	Anh		
290	Nguyễn Hồng	Minh	27/03/1987		Kinh	Thạc sỹ Phương pháp Toán sơ cấp, Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Hùng Vương	Trung Vương	Anh		
291	Tôn Nữ Cát	Minh	14/02/1998	X	Kinh	Thạc sỹ Phương pháp Toán sơ cấp; Đại học Toán học; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên Toán học	Nguyễn Trường Tộ	Hòa Bình	Anh		
292	Đặng Thị Trà	My	08/11/1998	X	Kinh	Đại học Giáo dục chính trị		Giáo viên Giáo dục kinh tế và pháp luật	Số 1 Phù Mỹ	Ngô Mây	Anh		
293	Trần Thị Kiều	My	18/04/1996	X	Kinh	Đại học Văn học, Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên Ngữ văn	Nguyễn Trường Tộ	Nguyễn Hồng Đạo	Anh		
294	Bùi Thị Trà	My	07/04/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Nguyễn Trường Tộ	Hòa Bình	Anh		

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển			Thi ngoại ngữ	Miễn thi ngoại ngữ	Ghi chú
							Vị trí việc làm	Trường, đơn vị				
								Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2			
295	Trần Kiều My	11/01/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Trung Vương	Trần Cao Vân	Anh		
296	Nguyễn Thị Trà My	09/03/1994	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Hết chỉ tiêu	Số 2 An Nhơn		X	
297	Tống Tiểu My	15/05/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Mỹ Thọ	Số 3 An Nhơn		X	
298	Bùi Lê Thảo My	03/01/1996	X	Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Trần Cao Vân	Xuân Diệu	Anh		
299	Nguyễn Đăng Huyền	16/12/1999	X	Kinh	Thạc sỹ Phương pháp Toán sơ cấp; Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Trần Cao Vân	Trung Vương	Anh		
300	Nguyễn Trà My	19/02/1997	X	Kinh	Thạc sỹ Vật lý chất rắn, Đại học Sư phạm Vật lý		Giáo viên Vật lý	Ngô Mây	số 1 Tuy Phước	Anh		
301	Bùi Thị Thùy My	19/11/1995	X	Kinh	Đại học Sư phạm Vật lý		Giáo viên Vật lý	PTDNT THCS&THPT Vân Canh	Xuân Diệu	Anh		
302	Nguyễn Thị Diễm	22/12/1993	X	Kinh	Trung cấp Y sĩ đa khoa		Nhân viên Y tế	Phan Bội Châu	Tăng Bạt Hồ	Anh		
303	Trần Thị Mỹ	01/04/1993	X	Kinh	Đại học Giáo dục chính trị		Giáo viên Giáo dục kinh tế và pháp luật	Nguyễn Hữu Quang	Số 1 Tuy Phước	Anh		
304	Lê Thị Mỹ	19/10/1994	X	Kinh	Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Tây Sơn	Quang Trung	Anh		
305	Phan Thị Thùy Mỹ	03/04/1997	X	Kinh	Đại học Ngôn ngữ Anh; chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên Tiếng Anh	Số 2 An Nhơn	Không có		X	
306	Lê Văn Nam	25/05/1994		Kinh	Đại học Sư phạm Địa lý		Giáo viên Địa lý	Bùi Thị Xuân	Xuân Diệu	Anh		
307	Nguyễn Vũ Nam	22/05/1993		Kinh	Đại học Sư phạm Địa lý		Giáo viên Địa lý	Số 2 Phù Cát	Số 3 Tuy Phước	Anh		
308	Huỳnh Cao Hào Nam	12/12/2001	X	Kinh	Đại học sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 2 An Nhơn	Số 3 An Nhơn		X	
309	Quách Thị Nữ	07/09/1995	X	Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Số 2 Tuy Phước	Số 3 An Nhơn	Anh		
310	Thái Dương Nương	28/11/1998	X		Thạc sỹ Văn học Việt Nam, Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Trung Vương	Không có		X	ĐH Ngôn ngữ Anh
311	Nguyễn Thị Nương	28/08/1998	X	Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Quang Trung	Không có	Anh		
312	Nguyễn Thị Nương	20/06/1988	X	Kinh	Trung cấp Y sĩ đa khoa		Nhân viên Y tế	Tây Sơn	Không có	Anh		

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển			Thi ngoại ngữ	Miễn thi ngoại ngữ	Ghi chú
							Vị trí việc làm	Trường, đơn vị				
								Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2			
313	Lê Thị Ny	24/04/1997	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Mỹ Thọ	Ngô Mây		X	
314	Trương Thị Thùy	16/11/1995	X	Kinh	Đại học sư phạm Địa lý		Giáo viên Địa lý	Bùi Thị Xuân	Không phù hợp	Anh		
315	Lê Thị Hồng	11/11/1995	X	Kinh	Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Võ Giữ	Không có	Anh		
316	Đình Thị Ngách	20/12/1986	X	Bana	Đại học Sư phạm Lịch sử	DTTS, Con TB	Giáo viên Lịch sử	PTDNTN THCS&THPT Vĩnh Thạnh	PTDNTN THCS&THPT Vân Canh		X	
317	Phan Trung Ngạn	25/06/1999		Kinh	Đại học Sư phạm Lịch sử		Giáo viên Lịch sử	Nguyễn Thái Học	Trung Vương	Anh		
318	Ngô Ngũ	28/04/1993	X	Kinh	Đại học Sư phạm Lịch sử		Giáo viên Lịch sử	Nguyễn Huệ	Nguyễn Thái Học	Anh		
319	Châu Thùy Ngân	24/07/1996	X	Kinh	Đại học Giáo dục thể chất		Giáo viên Giáo dục thể chất	Trần Cao Vân	Trung Vương	Anh		
320	Nguyễn Thị Ngọc	09/12/1999	X	Kinh	Thạc sỹ Ngôn ngữ học; Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Trung Vương	Số 1 Tuy Phước	Anh		
321	Nguyễn Thị Thanh	02/02/1996	X	Kinh	Đại học Sư phạm Sinh học		Giáo viên Sinh học	Nguyễn Du	Không phù hợp	Anh		
322	Nguyễn Thị Tuyết	15/06/2002	X	Kinh	Đại học sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Mỹ Thọ	Nguyễn Du		X	
323	Hồ Lê Ngân	08/04/1999	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Ngô Mây	Mỹ Thọ		X	
324	Nguyễn Lương Kim	24/02/1998	X	Kinh	Đại học Sư phạm Toán		Giáo viên Toán học	Quang Trung	Số 3 An Nhơn	Anh		
325	Phạm Thu Ngân	01/02/1993	X	Kinh	Đại học Kế toán		Nhân viên Kế toán	Số 1 Phù Mỹ	Tăng Bạt Hổ	Anh		
326	Trần Thị Thanh Ngân	20/12/1998	X	Kinh	Đại học Tài chính doanh nghiệp		Nhân viên Kế toán	Số 1 Phù Mỹ	Tăng Bạt Hổ	Anh		
327	Lương Thị Hoàng	20/02/1993	X	Kinh	Đại học Thông tin thư viện		Nhân viên Thư viện	Quốc học Quy Nhơn	Xuân Diệu	Anh		
328	Bùi Trọng Nghĩa	30/10/1993		Kinh	Đại học Giáo dục thể chất	Con thương binh	Giáo viên Giáo dục thể chất	Bùi Thị Xuân	Trung Vương	Anh		
329	Lê Trọng Nghĩa	23/09/1995		Kinh	Đại học Sư phạm Vật lý		Giáo viên Vật lý	Số 1 Tuy Phước	Xuân Diệu	Anh		
330	Hà Thị Thanh Ngoan	20/02/2000	X	Kinh	Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Trần Cao Vân	Số 2 An Nhơn	Anh		
331	Đoàn Thị Thanh Ngọc	19/07/2000	X	Kinh	Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Chuyên Lê Quý Đôn	Không có	Anh		

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển			Thi ngoại ngữ	Miền thi ngoại ngữ	Ghi chú
							Vị trí việc làm	Trường, đơn vị				
								Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2			
332	Nguyễn Thị Xuân Ngọc	24/06/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Tây Sơn	Quang Trung	Anh		
333	Lê Thị Hồng Ngọc	22/08/1992	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 2 An Nhơn	Số 3 An Nhơn		X	
334	Huỳnh Thúy Ngọc	12/10/1996	X	Kinh	Đại học Ngôn ngữ Anh; chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên Tiếng Anh	Số 3 An Nhơn	Ngô Mây		X	
335	Nguyễn Thị Thanh Ngọc	07/08/1999	X	Kinh	Thạc sĩ LL&PPDH bộ môn Tiếng Anh; Đại học Ngôn ngữ Anh; CC NVSP		Giáo viên Tiếng Anh	Số 3 An Nhơn	Số 2 An Nhơn		X	
336	Đặng Minh Ngọc	10/11/1992		Kinh	Thạc sỹ Đại số và Lý thuyết số; Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Quốc học Quy Nhơn	Trung Vương	Anh		
337	Trần Thị Ngọc	02/06/1996	X	Kinh	Đại học Sư phạm Vật lý		Giáo viên Vật lý	Số 1 Tuy Phước	Xuân Diệu	Anh		
338	Trương Thị Hồng Ngọc	03/02/1994	X	Kinh	Đại học Công tác xã hội; Chứng chỉ thông tin thư viện		Nhân viên Thư viện	Võ Lai	Không có	Anh		
339	Huỳnh Thị Ngộ	10/01/1995	X	Kinh	Trung cấp Y sĩ		Nhân viên Y tế	PTDTNT THCS&THPT Vĩnh Thạnh	Không có	Anh		
340	Trần Lê Nguyên	16/08/1995		Kinh	Đại học Giáo dục thể chất	Nghĩa vụ công an	Giáo viên Giáo dục thể chất	Trần Cao Vân	Trung Vương	Anh		
341	Phan Đức Nguyên	07/06/2002		Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Nguyễn Du	Mỹ Thọ		X	
342	Hồ Nguyễn Hoàng Nguyên	28/08/1997	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 3 An Nhơn	Không có		X	Chỉ điều chuyển nguyện vọng hết chỉ tiêu theo Phiếu đăng ký lần đầu
343	Phan Thị Bích Nguyệt	20/10/1995	X	Kinh	Đại học Sư phạm Lịch sử		Giáo viên Lịch sử	Số 2 An Nhơn	Nguyễn Diệu	Anh		
344	Võ Thị Ánh Nguyệt	22/05/2000	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 3 An Nhơn	Số 2 An Nhơn		X	
345	Phạm Thanh Nguyệt	16/10/1980	X	Kinh	Đại học Kế toán; Chứng chỉ bồi dưỡng Thư viện - Thiết bị	Con thương binh	Nhân viên Thư viện	Võ Lai	Không có	Anh		
346	Nguyễn Thị Nguyệt	01/02/1991	X	Kinh	Trung cấp Y sĩ		Nhân viên Y tế	Tây Sơn	Số 1 Tuy Phước	Anh		

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển			Thi ngoại ngữ	Miễn thi ngoại ngữ	Ghi chú
							Vị trí việc làm	Trường, đơn vị				
								Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2			
347	Nguyễn Thị Ngữ	18/04/1997	X	Kinh	Đại học Sư phạm Địa lý		Giáo viên Địa lý	Xuân Diệu	Nguyễn Diệu	Anh		
348	Hoàng Thanh Nhã	06/09/1996	X	Kinh	Trung cấp Y sĩ đa khoa		Nhân viên Y tế	Bùi Thị Xuân	Số 1 Tuy Phước	Anh		
349	Bàn Thị Nhài	20/10/1995	X	Dao	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Ngô Mây	Hết chỉ tiêu		X	
350	Trần Thị Ngọc Nhân	01/01/1998	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 3 An Nhơn	Mỹ Thọ		X	
351	Phan Đình Nhân	20/04/2002		Kinh	Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Nguyễn Trường Tộ	Không có	Anh		
352	Đỗ Thị Thảo Nhân	30/12/2001	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 2 An Nhơn	Số 3 An Nhơn		X	
353	Nguyễn Long Nhật	02/06/2002		Kinh	Đại học Sư phạm Lịch sử		Giáo viên Lịch sử	Phan Bội Châu	Tam Quan	Anh		
354	Đặng Mỹ Nhật	16/12/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Trần Cao Vân	Trung Vương	Anh		
355	Nguyễn Thị Nhi	21/01/1998	X	Kinh	Đại học Sư phạm Lịch sử		Giáo viên Lịch sử	Số 2 An Nhơn	Số 2 Tuy Phước	Anh		
356	Phạm Thị Phương Nhi	05/06/1998	X	Kinh	Thạc sĩ Ngôn ngữ học; Đại học Sư Phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Chuyên Chu Văn An	Chuyên Lê Quý Đôn	Anh		
357	Nguyễn Ngọc Yên	22/02/1990	X	Kinh	Thạc sĩ Ngôn ngữ học; Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Chuyên Lê Quý Đôn	Không có	Anh		
358	Nguyễn Thị Hoàng Nhi	26/08/1999	X	Kinh	Thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học môn Văn và Tiếng Việt; Đại học sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Hết chỉ tiêu	Nguyễn Thái Học	Anh		
359	Ngô Kiều Nhi	01/10/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Mỹ Thọ	Ngô Mây		X	
360	Huỳnh Thị Ý Nhi	06/11/2001	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Mỹ Thọ	Số 2 An Nhơn		X	
361	Nguyễn Xuân Hoài Nhi	01/08/2002	X	Kinh	Đại học sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Mỹ Thọ	Nguyễn Du		X	
362	Nguyễn Võ Ý Nhi	24/07/1993	X	Kinh	Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh; Đại học Ngôn ngữ Anh; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên Tiếng Anh	Nguyễn Du	Không có		X	
363	Dương Thị Hồng Nhi	10/12/2001	X	Kinh	Đại học sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 2 An Nhơn	Không có		X	
364	Bùi Nhi	17/02/1998		Kinh	Thạc sĩ Đại số và lý thuyết số; Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Hết chỉ tiêu	Chuyên Chu Văn An	Anh		
365	Trần Thị Thanh Nhi	13/09/1997	X	Kinh	Thạc sĩ Phương pháp Toán sơ cấp; Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Hùng Vương	Bùi Thị Xuân	Anh		

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển			Thi ngoại ngữ	Miền thi ngoại ngữ	Ghi chú
							Vị trí việc làm	Trường, đơn vị				
								Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2			
366	Nguyễn Lê Hạnh Nhi	24/06/1998		Kinh	Thạc sỹ Phương pháp Toán sơ cấp; Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Số 1 Tuy Phước	Bùi Thị Xuân	Anh		
367	Phạm Quỳnh Nhi	02/09/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Vật lý		Giáo viên Vật lý	Số 1 Tuy Phước	Xuân Diệu	Anh		
368	Lê Nữ Nhi	20/08/1991	X	Kinh	Đại học Kế toán	Con người hưởng chính sách như thương binh	Nhân viên Kế toán	Số 1 Phù Mỹ	Không có	Anh		
369	Nguyễn Phan Quỳnh Nhi	03/02/1989	X	Kinh	Đại học Kinh tế - Ngoại thương; Chứng chỉ thư viện		Nhân viên Thư viện	Bùi Thị Xuân	Quốc học Quy Nhơn	Anh		
370	Đỗ Thị Hữu Nhiên	17/02/1995	X	Kinh	Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Số 1 Tuy Phước	Nguyễn Diệu	Anh		
371	Nguyễn Vũ Bửu Nhiên	17/01/1997		Kinh	Thạc sỹ Đại số và Lý thuyết số; Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Trần Cao Vân	Số 1 Tuy Phước	Anh		
372	Nguyễn Văn Nhon	16/03/1995		Kinh	Thạc sỹ Toán giải tích; Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Nguyễn Thái Học	Trung Vương	Anh		
373	Trần Thị Ngọc Nhung	02/03/1994	X	Kinh	Đại học Sư phạm Lịch sử		Giáo viên Lịch sử	Trung Vương	Quốc học Quy Nhơn	Anh		
374	Nguyễn Thị Như	17/06/1995	X	Kinh	Đại học Sư phạm Địa lý		Giáo viên Địa lý	Nguyễn Bình Khiêm	Trần Quang Diệu	Anh		
375	Ngô Thị Huỳnh Như	08/09/1992	X	Kinh	Đại học Ngữ văn, Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên Ngữ văn	Nguyễn Trường Tộ	Trần Cao Vân	Anh		
376	Nguyễn Quỳnh Như	01/08/2001	X	Kinh	Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Số 1 Tuy Phước	Nguyễn Hồng Đạo	Anh		
377	Đỗ Hoàng Như	13/06/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 2 An Nhơn	Không có		X	Chỉ điều chuyển nguyện vọng hết chỉ tiêu theo Phiếu đăng ký lần đầu
378	Trần Thị Yến Như	10/11/2000	X	Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Nguyễn Du	Tam Quan	Anh		
379	Nguyễn Lê Quỳnh Như	11/03/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Nguyễn Thái Học	Bình Dương	Anh		

TT	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển			Thi ngoại ngữ	Miền thi ngoại ngữ	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Trường, đơn vị				
									Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2			
380	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	17/02/2000	X	Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Nguyễn Thái Học	Hùng Vương	Anh		
381	Hà Vũ Kim	Oanh	12/06/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Ngô Mây	Số 2 An Nhơn		X	
382	Hồ Thị Mỹ	Oanh	01/10/1995	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Ngô Mây	Không có		X	Chi điều chuyển nguyện vọng hết chỉ tiêu theo Phiếu đăng ký lần đầu
383	Lê Tấn	Phát	28/12/2002		Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Mỹ Thọ	Nguyễn Du		X	
384	Vũ Ngọc	Phát	23/06/1996		Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Số 1 Tuy Phước	Số 2 Tuy Phước	Anh		
385	Huỳnh Thanh	Phi	20/05/1993		Kinh	Đại học Sư phạm Địa lý		Giáo viên Địa lý	Nguyễn Diêu	Xuân Diêu	Anh		
386	Huỳnh Văn	Phong	22/04/1993		Kinh	Đại học Sư phạm Lịch sử		Giáo viên Lịch sử	Nguyễn Huệ	Số 2 An Nhơn	Anh		
387	Hà Văn	Phong	28/04/1999		Kinh	Thạc sỹ Phương pháp Toán sơ cấp; Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Ngô Mây	Nguyễn Trường Tộ	Anh		
388	Nguyễn Thị Tường	Phông	10/09/1996	X	Kinh	Đại học Sư phạm Địa lý		Giáo viên Địa lý	Tam Quan	Nguyễn Bình Khiêm	Anh		
389	Phùng Quang	Phú	20/10/1997		Kinh	Đại học Giáo dục thể chất		Giáo viên Giáo dục thể chất	Bùi Thị Xuân	Trung Vương	Anh		
390	Lê Thị Kim	Phú	16/01/1990	X	Kinh	Thạc sỹ Văn học Việt Nam; Đại học Sư Phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Vĩnh Thạnh	Quang Trung	Anh		
391	Phan Thị Mỹ	Phú	19/08/1992	X	Kinh	Trung cấp Y sĩ đa khoa		Nhân viên Y tế	THCS&THPT Vĩnh Thạnh	Số 3 Tuy Phước	Anh		
392	Dương Văn	Phúc	04/01/1996		Kinh	Đại học Sư phạm Địa lý		Giáo viên Địa lý	Nguyễn Diêu	Vĩnh Thạnh	Anh		
393	Huỳnh Chu	Phúc	20/03/1990		Kinh	Đại học Giáo dục thể chất - quốc phòng		Giáo viên Giáo dục quốc phòng và an ninh	Nguyễn Trường Tộ	Số 2 Phù Mỹ	Anh		
394	Trương Thị Hồng	Phúc	06/06/1994	X	Kinh	Đại học Sinh học; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên Sinh học	Nguyễn Du	Không có	Anh		
395	Lê Nguyễn Gia	Phúc	09/08/2001		Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Ngô Mây	Số 3 An Nhơn		X	

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển			Thi ngoại ngữ	Miễn thi ngoại ngữ	Ghi chú
							Vị trí việc làm	Trường, đơn vị				
								Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2			
396	Võ Hoàng Như Phúc	21/02/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 3 An Nhơn	Mỹ Thọ		X	
397	Huỳnh Trường An Phúc	28/05/2001	X	Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Bùi Thị Xuân	Nguyễn Du	Anh		
398	Trương Thị Y Phụng	15/09/1993	X	Kinh	Trung cấp Y sĩ		Nhân viên Y tế	Tăng Bạt Hồ	Không có	Anh		
399	Hoàng Hoài Phương	03/05/2001	X	Kinh	Đại học Giáo dục thể chất		Giáo viên Giáo dục thể chất	Trung Vương	Bùi Thị Xuân	Anh		
400	Mai Phương	26/11/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Quốc học Quy Nhơn	Không có		X	
401	Nguyễn Bích Phương	28/11/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Ngô Mây	Bùi Thị Xuân	Anh		
402	Cái Thị Minh Phương	02/02/1997	X	Kinh	Thạc sĩ Đại số và Lý thuyết số; Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Quốc học Quy Nhơn	Trần Cao Vân	Anh		
403	Nguyễn Thị Nhã Phương	02/06/1997	X	Kinh	Đại học Sư phạm Vật lý		Giáo viên Vật lý	Xuân Diệu	Ngô Mây	Anh		
404	Hồ Như Phương	26/07/2000	X	Kinh	Thạc sĩ Lịch sử Việt Nam; Đại học Sư phạm Lịch sử		Giáo viên Lịch sử	PTDNT THCS&THPT Văn Canh	Số 2 Tuy Phước	Anh		
405	Ngô Thị Kim Phương	11/10/1992	X	Kinh	Thạc sĩ Văn học Việt Nam, Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Mỹ Thọ	Không có	Anh		
406	Nguyễn Thị Bích Phương	10/01/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Số 2 An Nhơn	Nguyễn Trường Tộ	Anh		
407	Nguyễn Thị Bích Phương	20/05/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 2 An Nhơn	Ngô Mây		X	
408	Trần Thị Kim Phương	13/04/1994	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tin học		Giáo viên Tin học	Nguyễn Huệ	Tăng Bạt Hồ	Anh		
409	Nguyễn Thị Thanh Quà	10/02/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Mỹ Thọ	Không có		X	
410	Nguyễn Thanh Quang	04/12/1989		Kinh	Thạc sĩ Lịch sử Việt Nam; Đại học Giáo dục chính trị		Giáo viên Giáo dục kinh tế và pháp luật	Số 1 Phù Mỹ	Ngô Mây	Anh		
411	Lê Quang	08/06/1996		Kinh	Đại học Sư phạm Giáo dục thể chất		Giáo viên Giáo dục thể chất	Bùi Thị Xuân	Trung Vương	Anh		
412	Trần Mỹ Quanh	05/10/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 3 An Nhơn	Số 2 An Nhơn		X	
413	Đặng Thị Thùy Quanh	17/09/1997	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tin học		Giáo viên Tin học	PTDNT THCS&THPT Văn Canh	Nguyễn Huệ	Anh		
414	Phạm Trọng Quân	11/09/2000		Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Bùi Thị Xuân	Số 1 Tuy Phước	Anh		

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển			Thi ngoại ngữ	Miễn thi ngoại ngữ	Ghi chú
							Vị trí việc làm	Trường, đơn vị				
								Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2			
415	Võ Trương Anh Quân	10/08/1993	X	Kinh	Đại học Kế toán		Nhân viên Kế toán	Tăng Bạt Hồ	Số 1 Phù Mỹ	Anh		
416	Lê Thị Thanh Quý	14/03/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Quốc học Quy Nhơn	Trung Vương	Anh		
417	Nguyễn Thị Thu Quyên	25/06/2001	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 2 An Nhơn	Số 3 An Nhơn		X	
418	Lê Thị Lệ Quyên	05/03/1990	X	Kinh	Đại học sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 3 An Nhơn	Mỹ Thọ		X	
419	Cao Thị Lệ Quyên	24/07/1991	X	Kinh	Trung cấp Y sĩ đa khoa		Nhân viên Y tế	Nguyễn Hồng Đạo	Ngô Mây	Anh		
420	Nguyễn Thị Xuân	28/03/1997	X	Kinh	Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Trần Cao Vân	Trung Vương	Anh		
421	Nguyễn Hoàng Như	27/05/1994	X	Kinh	Thạc sỹ Đại số và Lý thuyết số; Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Quốc học Quy Nhơn	Không có	Anh		
422	Đình Thị Như Quỳnh	30/03/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Trần Cao Vân	Nguyễn Thái Học	Anh		
423	Cao Thị Diễm Quỳnh	06/11/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Trung Vương	Trần Cao Vân	Anh		
424	Nguyễn Thị Mộng	12/09/1993	X	Kinh	Đại học Kế toán		Nhân viên Kế toán	Tăng Bạt Hồ	Số 1 Phù Mỹ	Anh		
425	Võ Thị Thúy San	06/09/1994	X	Kinh	Đại học Giáo dục chính trị		Giáo viên Giáo dục kinh tế và pháp luật	Số 1 Phù Mỹ	Ngô Mây	Anh		
426	Huỳnh Thị Cẩm Sang	13/11/2000	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Ngô Mây	Số 2 An Nhơn		X	
427	Trần Thị Sáu	01/01/1993	X	Kinh	Cao đẳng Tin học		Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm	Trần Quang Diệu	Chuyên Chu Văn An	Anh		
428	Đình Văn Sinh	11/05/1990		H'rê	Đại học Sư phạm Thể dục thể thao	DTTS, Con TB	Giáo viên Giáo dục thể chất	Bùi Thị Xuân	Số 1 Phù Mỹ	Anh		
429	Nguyễn Hoàng Sơn	13/09/1994	X	Kinh	Thạc sỹ Toán học; Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Hòa Bình	Xuân Diệu	Anh		
430	Bùi Công Sơn	26/12/1990		Kinh	Đại học Toán học, CC NVSP		Giáo viên Toán học	Ngô Mây	Nguyễn Trường Tộ	Anh		
431	Nguyễn Thị Sương	10/12/1992	X	Kinh	Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Ngô Mây	Nguyễn Hồng Đạo	Anh		
432	Võ Thị Sương	12/06/1992	X	Kinh	Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Võ Giữ	Mỹ Thọ	Anh		
433	Trần Hoàng Tuyết	08/12/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Trần Cao Vân	Số 1 Tuy Phước	Anh		
434	Diệp Thị Sương	10/02/1994	X	Kinh	Đại học Mầm non; Chứng chỉ Thông tin thư viện trường học		Nhân viên Thư viện	Quốc học Quy Nhơn	Bùi Thị Xuân	Anh		

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển			Thi ngoại ngữ	Miền thi ngoại ngữ	Ghi chú
							Vị trí việc làm	Trường, đơn vị				
								Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2			
435	Phạm Văn Tài	05/07/2002		Kinh	Đại học Sư phạm Địa lý		Giáo viên Địa lý	An Lão	PTDTNT THCS&THPT An Lão	Anh		
436	Nguyễn Văn Tài	25/08/1996		Kinh	Đại học Huân luyện thể thao		Giáo viên Giáo dục thể chất	Bùi Thị Xuân	Số 1 Phù Mỹ	Anh		
437	Nguyễn Tấn Tài	08/12/2002		Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Bùi Thị Xuân	Xuân Diêu	Anh		
438	Lê Hữu Tài	22/07/1995		Kinh	Đại học Sư phạm Vật lý		Giáo viên Vật lý	PTDTNT THCS&THPT Vĩnh Thạnh	Ngô Mây	Anh		
439	Trịnh Ngọc Tài	12/04/2002		Kinh	Trung cấp Y sĩ đa khoa		Nhân viên Y tế	Ngô Lê Tân	Không có	Anh		
440	Đặng Thị Tánh	01/04/1987	X	Kinh	Đại học Kế toán		Nhân viên Kế toán	Số 1 Phù Mỹ	Tăng Bạt Hồ	Anh		
441	Hoàng Thị Tâm	21/05/1998	X	Kinh	Đại học Giáo dục thể chất		Giáo viên Giáo dục thể chất	Trung Vương	Trần Cao Vân	Anh		
442	Hà Thị Thúy Tâm	28/01/1999	X	Kinh	Đại học Sư phạm Lịch sử		Giáo viên Lịch sử	Nguyễn Huệ	Nguyễn Diêu	Anh		
443	Nguyễn Nguyên Tâm	24/12/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Nguyễn Du	Số 2 An Nhơn		X	
444	Phạm Thị Minh Tân	15/12/1994		Kinh	Đại học Ngôn ngữ Anh; chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên Tiếng Anh	Ngô Mây	Không phù hợp		X	Chỉ điều chuyển nguyện vọng hết chỉ tiêu theo Phiếu đăng ký lần đầu
445	Nguyễn Thị Tiên	22/02/1997	X	Kinh	Đại học Sư phạm Địa lý		Giáo viên Địa lý	Bùi Thị Xuân	Xuân Diêu	Anh		
446	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	01/01/1993	X	Kinh	Đại học sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Trung Vương	Không phù hợp	Anh		
447	Nguyễn Thị Tiên	06/02/1996	X	Kinh	Đại học Sư phạm Địa lý		Giáo viên Địa lý	Nguyễn Diêu	Bùi Thị Xuân	Anh		
448	Nguyễn Thanh Tiên	02/01/1997		Kinh	Đại học Giáo dục chính trị		Giáo viên Giáo dục kinh tế và pháp luật	PTDTNT THCS&THPT Vĩnh Thạnh	Nguyễn Hữu Quang	Anh		
449	Nguyễn Trần Tiến	11/10/1996		Kinh	Đại học Sư phạm Địa lý		Giáo viên Địa lý	Bùi Thị Xuân	Không có	Anh		

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển			Thi ngoại ngữ	Miễn thi ngoại ngữ	Ghi chú
							Vị trí việc làm	Trường, đơn vị				
								Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2			
450	Nguyễn Đăng Tiến	05/02/1998		Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 3 An Nhơn	Số 2 An Nhơn		X	
451	Lê Gia Tiến	27/08/1998		Kinh	Đại học Sư phạm Tin học		Giáo viên Tin học	PTDNT THCS&THPT Vân Canh	Không có	Anh		
452	Hồ Ngọc Tin	22/09/2002		Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Nguyễn Trường Tộ	Số 2 Tuy Phước	Anh		
453	Bùi Vĩnh Tín	15/07/1994		Kinh	Thạc sỹ Phương pháp Toán sơ cấp; Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Số 1 Tuy Phước	Số 3 An Nhơn	Anh		
454	Nguyễn Tường Tín	13/03/1982		Kinh	Đại học Công nghệ thông tin		Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm	Chuyên Lê Quý Đôn	Chuyên Chu Văn An	Anh		
455	Nguyễn Thị Hoàng	06/04/1997	X	Kinh	Thạc sỹ Ngôn ngữ học; Đại học Văn học; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên Ngữ văn	Nguyễn Diêu	Không có	Anh		
456	Nguyễn Thị Tinh	31/03/1993	X	Kinh	Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Mỹ Thọ	Quang Trung	Anh		
457	Nguyễn Trọng Tinh	21/10/2001		Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Nguyễn Trường Tộ	Nguyễn Thái Học	Anh		
458	Ngô Diệp Tịnh	18/10/1999		Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Ngô Mây	Số 2 An Nhơn		X	
459	Thái Quốc Toàn	23/10/1991		Kinh	Thạc sỹ Lịch sử Việt Nam; Đại học Lịch sử; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên Lịch sử	Nguyễn Huệ	Nguyễn Thái Học	Anh		
460	Nguyễn Văn Toàn	20/11/1994		Kinh	Thạc sỹ Văn học Việt Nam, Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Trung Vương	Nguyễn Thái Học	Anh		
461	Trương Xuân Toàn	25/09/1990		Kinh	Thạc sỹ Hóa lý thuyết và Hóa lý		Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm	Nguyễn Trung Trực	Trần Quang Diệu	Anh		
462	Nguyễn Xuân Toán	05/12/1993		Kinh	Thạc sỹ Đại số và Lý thuyết số, Đại học Sư Phạm Toán		Giáo viên Toán học	Nguyễn Thái Học	Trung Vương	Anh		
463	Kiều Đình Toán	20/01/1997		Kinh	Đại học Sư phạm Vật lý		Giáo viên Vật lý	Ngô Mây	PTDNT THCS&THPT Vân Canh	Anh		
464	Nguyễn Tốt	01/09/1992		Kinh	Thạc sỹ Phương pháp Toán sơ cấp; Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Trung Vương	Nguyễn Thái Học	Anh		
465	Trần Thị Cẩm Tú	17/11/1996	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Ngô Mây	Số 3 An Nhơn		X	
466	Võ Thị Mỹ Tú	03/11/1997	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 2 An Nhơn	Mỹ Thọ		X	
467	Lương Văn Tú	04/11/1998		Kinh	Đại học Sư phạm Vật lý		Giáo viên Vật lý	PTDNT THCS&THPT Vĩnh Thạnh	PTDNT THCS&THPT Vân Canh	Anh		

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển			Thi ngoại ngữ	Miễn thi ngoại ngữ	Ghi chú
							Vị trí việc làm	Trường, đơn vị				
								Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2			
468	Đoàn Văn Tú	06/07/1999		Kinh	Đại học Sư phạm Vật lý		Giáo viên Vật lý	Số 1 Tuy Phước	PTDNT THCS&THPT Vân Canh	Anh		
469	Lê Anh Tú	29/10/1996		Kinh	Đại học Sư phạm Vật lý		Giáo viên Vật lý	Số 2 An Nhơn	Không có	Anh		
470	Mai Thanh Tuấn	04/11/1989		Kinh	Đại học Giáo dục thể chất và quốc phòng		Giáo viên Giáo dục thể chất	Bùi Thị Xuân	Không có	Anh		
471	Đỗ Anh Tuấn	07/11/1994		Kinh	Đại học Sư phạm Lịch sử		Giáo viên Lịch sử	Nguyễn Diêu	Số 2 Tuy Phước	Anh		
472	Đỗ Thị Kim Tuyền	02/08/1993	X	Kinh	Đại học Sư phạm Lịch sử		Giáo viên Lịch sử	Mỹ Thọ	Không có	Anh		
473	Đỗ Nguyễn Thuý	04/09/1997	X	Kinh	Thạc sỹ Ngôn ngữ học; Đại học Ngữ văn; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên Ngữ văn	Nguyễn Diêu	Số 1 Tuy Phước	Anh		
474	Hồ Đắc Sơn Tuyền	25/10/2001	X	Kinh	Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Nguyễn Thái Học	Hòa Bình	Anh		
475	Trần Thị Thanh Tuyền	04/06/1994	X	Kinh	Đại học Ngôn ngữ Anh; chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên Tiếng Anh	Ngô Mây	Mỹ Thọ		X	
476	Hà Trang Tuyền	07/04/2000	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 3 An Nhơn	Không có		X	
477	Trần Thị Thanh Tuyền	19/03/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Quốc học Quy Nhơn	Trần Cao Vân	Anh		
478	Bùi Thị Thanh Tuyền	30/06/1995	X	Kinh	Cao đẳng Tin học Ứng dụng		Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm	Trần Quang Diệu	Không có	Anh		
479	Nguyễn Thị Ngọc Tuyền	02/09/1995	X	Kinh	Đại học Sư phạm Lịch sử		Giáo viên Lịch sử	Trung Vương	Số 2 Tuy Phước	Anh		
480	Nguyễn Thị Kim Tuyền	21/01/1995	X	Kinh	Thạc sỹ Đại số và Lý thuyết số; Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Số 2 Tuy Phước	Bùi Thị Xuân	Anh		
481	Đặng Thị Thu Tuyết	15/02/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Ngô Mây	Nguyễn Trường Tộ	Anh		
482	Lê Thị Ngọc Tuyết	18/02/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Số 1 Tuy Phước	Nguyễn Thái Học	Anh		
483	Lâm Thị Hoàng Tuyết	02/12/2000	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 3 An Nhơn	Không có		X	
484	Trần Thị Thủy Tuyết	08/06/1994	X	Kinh	Đại học Kế toán		Nhân viên Kế toán	Tăng Bạt Hồ	Số 1 Phù Mỹ	Anh		
485	Trần Thị Ánh Tuyết	10/02/1982	X	Kinh	Đại học Lưu trữ và quản trị văn phòng; chứng chỉ nghiệp vụ thông tin - thư viện		Nhân viên Thư viện	Ngô Mây	Nguyễn Trường Tộ	Anh		
486	Hồ Văn Tư	03/03/1996		Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Nguyễn Thái Học	Trần Cao Vân	Anh		

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển			Thi ngoại ngữ	Miễn thi ngoại ngữ	Ghi chú
							Vị trí việc làm	Trường, đơn vị				
								Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2			
487	Phạm Thị Bích Tường	23/12/1996	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tin học		Giáo viên Tin học	Nguyễn Trân	Tam Quan	Anh		
488	Huỳnh Tốt Ty	15/06/2002		Kinh	Đại học Sư phạm Địa lý		Giáo viên Địa lý	Trần Quang Diệu	Xuân Diệu	Anh		
489	Đoàn Ngọc Thạch	16/05/1997		Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Số 2 Tuy Phước	Hòa Bình	Anh		
490	Vương Thành Thái	27/08/2001		Kinh	Đại học Giáo dục thể chất		Giáo viên Giáo dục thể chất	Số 1 Phù Mỹ	Trần Cao Vân	Anh		
491	Nguyễn Thị Phương	15/07/2002	X	Kinh	Đại học sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Mỹ Thọ	Không có		X	
492	Trương Đan Thanh	14/12/2002		Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Ngô Mây	Mỹ Thọ		X	
493	Trần Thị Diễm Thanh	20/05/1999	X	Kinh	Thạc sỹ Vật lý chất rắn; Đại học Sư phạm Vật lý		Giáo viên Vật lý	Số 1 Tuy Phước	Xuân Diệu	Anh		
494	Đặng Thị Thu Thanh	10/07/1995	X	Kinh	Thạc sỹ Vật lý chất rắn; Đại học Sư phạm Vật lý		Giáo viên Vật lý	Xuân Diệu	Không có	Anh		
495	Bùi Thị Phương Thanh	10/08/1999	X	Kinh	Trung cấp Y sĩ đa khoa		Nhân viên Y tế	Tây Sơn	Không có	Anh		
496	Trần Duy Thành	16/03/1993		Kinh	Đại học Sư phạm Địa lý		Giáo viên Địa lý	Bùi Thị Xuân	Xuân Diệu	Anh		
497	Nguyễn Ngọc Thành	24/07/2000	X	Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Quốc học Quy Nhơn	Trần Cao Vân	Anh		
498	Phan Việt Thành	25/02/2001		Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Trần Cao Vân	Số 1 Tuy Phước	Anh		
499	Trần Thế Thành	01/12/1998		Kinh	Đại học Sư phạm Vật lý		Giáo viên Vật lý	Xuân Diệu	Không có	Anh		
500	Phạm Phước Thành	23/10/2001		Kinh	Đại học Sư phạm Vật lý		Giáo viên Vật lý	Xuân Diệu	Không có	Anh		
501	Nguyễn Ngọc Thảo	16/08/1989	X	Kinh	Đại học Giáo dục thể chất - quốc phòng		Giáo viên Giáo dục quốc phòng và an ninh	Nguyễn Trường Tô	Hòa Bình	Anh		
502	Nguyễn Thị Thu Thảo	25/10/1992	X	Kinh	Đại học Sư phạm Lịch sử		Giáo viên Lịch sử	Nguyễn Diêu	Số 2 Tuy Phước	Anh		
503	Nguyễn Thị Thu Thảo	09/11/1997	X	Kinh	Đại học Sư phạm Lịch sử		Giáo viên Lịch sử	PTDNT THCS&THPT Vĩnh Thạnh	Nguyễn Huệ	Anh		
504	Trần Thị Phương Thảo	26/08/2002	X	Kinh	Đại học sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Chuyên Chu Văn An	Không có	Anh		
505	Thái Huỳnh Thị Kiều	10/09/1998	X	Kinh	Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Trần Cao Vân	Quang Trung	Anh		

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển			Thi ngoại ngữ	Miễn thi ngoại ngữ	Ghi chú
							Vị trí việc làm	Trường, đơn vị				
								Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2			
506	Vũ Thị Thanh Thảo	22/02/1984	X	Kinh	Đại học Ngữ văn; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên Ngữ văn	Trần Cao Văn	Nguyễn Diệu	Anh		
507	Phan Thị Phương Thảo	18/12/1998	X	Kinh	Thạc sỹ Văn học Việt Nam; Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Trung Vương	Không có	Anh		
508	Trình Thị Thanh Thảo	16/07/1989	X	Kinh	Đại học Ngôn ngữ Anh; chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên Tiếng Anh	Hết chỉ tiêu	Ngô Mây		X	
509	Đoàn Thị Thu Thảo	09/09/1992	X	Kinh	Đại học Tiếng Anh; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên Tiếng Anh	Mỹ Thọ	Không có		X	
510	Mai Như Thảo	18/02/2001	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 2 An Nhơn	Mỹ Thọ		X	
511	Phan Thị Thảo	23/11/1993	X	Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Tam Quan	Nguyễn Du	Anh		
512	Lê Thị Thu Thảo	30/05/2002	X	Kinh	Đại học sư phạm Toán		Giáo viên Toán học	Trung Vương	Quốc học Quy Nhơn	Anh		
513	Lê Trần Phương Thảo	20/02/1999	X	Kinh	Thạc sỹ Vật lý chất rắn; Đại học Sư phạm Vật lý		Giáo viên Vật lý	Ngô Mây	Số 2 An Nhơn	Anh		
514	Nguyễn Thị Phương Thảo	27/08/1991	X	Kinh	Đại học Vật lý, Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên Vật lý	số 1 Tuy Phước	Số 2 An Nhơn	Anh		
515	Nguyễn Thị Phương Thảo	01/04/1992	X	Kinh	Trung cấp Y sĩ		Nhân viên Y tế	Số 1 Tuy Phước	Bùi Thị Xuân	Anh		
516	Nguyễn Xuân Thắm	01/08/2000	X	Kinh	Đại học sư phạm lịch sử		Giáo viên Lịch sử	Nguyễn Thái Học	Mỹ Thọ	Anh		
517	Nguyễn Thị Thắm	08/10/1999	X	Kinh	Đại học Ngôn ngữ Anh; chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên Tiếng Anh	số 2 An Nhơn	số 3 An Nhơn		X	
518	Ngô Thị Hồng Thắm	01/06/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Số 3 An Nhơn	Hòa Bình	Anh		
519	Trần Thị Hồng Thắm	01/01/2000	X	Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Xuân Diệu	Bùi Thị Xuân	Anh		
520	Trần Thị Thu Thắm	21/04/1998	X	Kinh	Đại học Sư phạm Vật lý		Giáo viên Vật lý	Số 2 An Nhơn	Ngô Mây	Anh		
521	Nguyễn Thắng	02/01/1996		Kinh	Thạc sỹ Phương pháp Toán sơ cấp; Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Trung Vương	Bùi Thị Xuân	Anh		
522	Nguyễn Thị Thắm	10/01/1992	X	Kinh	Đại học Tiếng Anh, CC NVSP		Giáo viên Tiếng Anh	Nguyễn Du	Không có		X	
523	Trần Thị Thắm	01/02/1989	X	Kinh	Đại học Tiếng Anh; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên Tiếng Anh	Mỹ Thọ	Số 2 An Nhơn		X	
524	Lê Chí Thân	13/05/1992		Kinh	Đại học Giáo dục thể chất	Tốt nghiệp đào tạo sĩ	Giáo viên Giáo dục thể chất	Bùi Thị Xuân	Trung Vương	Anh		
525	Nguyễn Phạm Anh Thi	02/03/2000	X	Kinh	Đại học Sư phạm Lịch sử		Giáo viên Lịch sử	Số 2 Tuy Phước	Tam Quan	Anh		

TT	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển			Thi ngoại ngữ	Miền thi ngoại ngữ	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Trường, đơn vị				
									Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2			
526	Ngô Hoàng	Thi	21/08/2000	X	Kinh	Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Quang Trung	Tây Sơn	Anh		
527	Trần Nữ Anh	Thi	19/10/1992	X	Kinh	Đại học Ngữ văn, CC NVSP		Giáo viên Ngữ văn	Số 1 Tuy Phước	Nguyễn Diêu	Anh		
528	Lê Thị Thanh	Thi	08/06/1998	X	Kinh	Thạc sỹ Lý luận và phương pháp dạy học Tiếng Anh; Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Ngô Mây	Số 2 An Nhơn		X	
529	Nguyễn Đăng	Thi	12/09/1995		Kinh	Thạc sỹ Lý luận và phương pháp dạy học Toán học; Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Hùng Vương	Xuân Diêu	Anh		
530	Nguyễn Minh	Thi	12/11/1998		Kinh	Đại học sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Nguyễn Trường Tộ	Không có	Anh		
531	Lê Nguyễn Anh	Thi	04/10/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Số 3 An Nhơn	Nguyễn Trường Tộ	Anh		
532	Trần Thị Bích	Thi	28/03/1991	X	Kinh	Đại học Vật lý; Chứng chỉ quản lý thiết bị trường học		Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm	Chuyên Chu Văn An	Trần Quang Diêu	Anh		
533	Nguyễn Thị Thanh	Thiên	01/07/1993	X	Kinh	Đại học Giáo dục chính trị		Giáo viên Giáo dục kinh tế và pháp luật	Phan Bội Châu	Tăng Bạt Hổ	Anh		
534	Lê Vũ Tân	Thiên	28/03/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Vân Canh	An Lão	Anh		
535	Mai Nữ Phúc	Thiện	26/03/1998	X	Kinh	Đại học sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 3 An Nhơn	Ngô Mây		X	
536	Hồ Ngọc	Thiện	14/06/2000		Kinh	Thạc sỹ Phương pháp Toán sơ cấp; Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Số 1 Tuy Phước	Vân Canh	Anh		
537	Nguyễn Đình	Thiệp	10/02/2000		Kinh	Đại học Giáo dục Quốc phòng - An ninh	NVQS	Giáo viên Giáo dục quốc phòng và an ninh	Trần Cao Vân	Số 1 Tuy Phước	Anh		
538	Huỳnh Thị	Thiệt	21/09/1992	X	Kinh	Trung cấp Y sĩ đa khoa		Nhân viên Y tế	Tây Sơn	Ngô Mây	Anh		
539	Ung Nhu	Thịnh	16/09/1993		Kinh	Đại học Sư phạm Vật lý		Giáo viên Vật lý	Xuân Diêu	Số 1 Tuy Phước	Anh		
540	Đặng Hữu	Thịnh	08/10/1992		Kinh	Trung cấp Y sĩ đa khoa	NVQS	Nhân viên Y tế	Tây Sơn	Nguyễn Trường Tộ	Anh		
541	Nguyễn Thị Kim	Thoa	07/01/1997	X	Kinh	Đại học Sư phạm Lịch sử		Giáo viên Lịch sử	Số 2 An Nhơn	Số 2 Tuy Phước	Anh		
542	Võ Thị Hoài	Thoa	27/09/1992	X	Kinh	Đại học Ngôn ngữ Anh; chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên Tiếng Anh	Số 2 An Nhơn	Số 3 An Nhơn		X	
543	Nguyễn Anh	Thoa	24/11/1999		Kinh	Đại học Sư phạm Vật lý		Giáo viên Vật lý	Xuân Diêu	Số 1 Tuy Phước	Anh		
544	Trần Nữ Huyền	Thoại	28/07/2000	X	Kinh	Thạc sỹ Ngôn ngữ Anh; Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 3 An Nhơn	Số 2 An Nhơn		X	

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển			Thi ngoại ngữ	Miễn thi ngoại ngữ	Ghi chú
							Vị trí việc làm	Trường, đơn vị				
								Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2			
545	Nguyễn Thành Thông	10/06/2001	X	Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Nguyễn Trường Tộ	Hòa Bình	Anh		
546	Nguyễn Tri Thống	18/12/1985		Kinh	Cao đẳng công nghệ thông tin; Chứng chỉ thiết bị trường học		Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm	Trần Quang Diệu	Không có	Anh		
547	Cao Thị Mỹ Thơ	20/05/1999	X	Kinh	Đại học Sư phạm Sinh học		Giáo viên Sinh học	Nguyễn Du	Không có	Anh		
548	Nguyễn Hoài Nhật	28/03/2000	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Mỹ Thọ	Số 2 An Nhơn		X	
549	Nguyễn Hà Thơ	30/03/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 3 An Nhơn	Số 2 An Nhơn		X	
550	Lê Văn Thơm	02/11/1986		Kinh	Trung cấp Y sĩ đa khoa		Nhân viên Y tế	PTDNTN THCS&THPT Vĩnh Thanh	Không có	Anh		
551	Hoàng Thị Thu	10/09/1990	X	Kinh	Thạc sỹ Sinh học thực nghiệm; Đại học Sư phạm Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp		Giáo viên Công nghệ Sinh	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	Anh		
552	Trương Thị Diễm	01/02/1996	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 2 An Nhơn	Không có		X	
553	Dương Thị Hồng Thu	09/05/1999	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 2 An Nhơn	Số 3 An Nhơn		X	
554	Nguyễn Kiều Thu	08/06/1992	X	Kinh	Thạc sỹ Lý luận và phương pháp dạy học môn Hóa học		Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm	Chuyên Lê Quý Đôn	Nguyễn Trung Trực	Anh		
555	Lê Thị Hoài Thuận	10/12/1997	X	Kinh	Đại học Sư phạm Sinh học		Giáo viên Sinh học	Nguyễn Du	Không phù hợp	Anh		
556	Lương Thị Hồng Thuận	10/03/2001	X	Kinh	Cử nhân sư phạm Toán		Giáo viên Toán học	Quang Trung	Số 3 An Nhơn	Anh		
557	Phan Thị Thu Thủy	03/04/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 2 An Nhơn	Không có		X	
558	Phạm Thanh Thủy	28/11/2000	X	Kinh	Đại học Ngôn ngữ Anh; chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên Tiếng Anh	Nguyễn Du	Số 2 An Nhơn		X	
559	Nguyễn Thị Huyền	02/11/1996	X	Kinh	Thạc sỹ Vật lý chất rắn; Đại học Sư phạm Vật lý		Giáo viên Vật lý	PTDNTN THCS&THPT Vân Canh	Số 1 Tuy Phước	Anh		
560	Bùi Thị Như Thủy	23/12/2001	X	Kinh	Đại học Sư phạm Địa lý		Giáo viên Địa lý	Nguyễn Bình Khiêm	PTDNTN THCS&THPT An Lão	Anh		
561	Cù Thanh Thủy	26/11/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Mỹ Thọ	Số 3 An Nhơn		X	
562	Trịnh Thị Ngọc Thủy	26/12/1996	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Ngô Mây	Không có		X	

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển			Thi ngoại ngữ	Miền thi ngoại ngữ	Ghi chú
							Vị trí việc làm	Trường, đơn vị				
								Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2			
563	Phan Bích Thủy	28/08/1994	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 2 An Nhơn	số 3 An Nhơn		X	
564	Nguyễn Thị Bích Thủy	31/12/1990	X	Kinh	Trung cấp Y sĩ đa khoa		Nhân viên Y tế	Số 1 Tuy Phước	Bùi Thị Xuân	Anh		
565	Nguyễn Thị Thủy	19/03/1996	X	Kinh	Đại học sư phạm Địa lí		Giáo viên Địa lý	Bùi Thị Xuân	Không có	Anh		
566	Trần Thị Thanh Thúy	20/02/1997	X	Kinh	Đại học Sư phạm Lịch sử		Giáo viên Lịch sử	Quốc học Quy Nhơn	Trung Vương	Anh		
567	Nguyễn Thị Thanh Thúy	20/07/1996	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 2 An Nhơn	Số 3 An Nhơn		X	
568	Nguyễn Thị Thanh Thúy	01/01/1993	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 3 An Nhơn	Số 2 An Nhơn		X	
569	Nguyễn Thị Thúy	17/07/1998	X	Kinh	Đại học Sư phạm Vật lý		Giáo viên Vật lý	Số 1 Tuy Phước	Ngô Mây	Anh		
570	Nguyễn Thị Thúy	11/11/1995	X	Kinh	Thạc sỹ Vật lý chất rắn; Đại học Vật lý; chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên Vật lý	Số 1 Tuy Phước	Xuân Diệu	Anh		
571	Đặng Thị Thanh Thúy	19/05/1984	X	Kinh	Đại học Kế toán; Chứng chỉ bồi dưỡng thư viện		Nhân viên Thư viện	Quốc học Quy Nhơn	Xuân Diệu	Anh		
572	Võ Thị Xuân Thúy	05/01/1995	X	Kinh	Đại học Giáo dục Tiểu học; Cao đẳng Khoa học Thư viện		Nhân viên Thư viện	Quốc học Quy Nhơn	Bùi Thị Xuân	Anh		
573	Nguyễn Thị Minh	05/01/2002	X	Kinh	Đại học sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Nguyễn Du	Quang Trung	Anh		
574	Lưu Thị Thu Thủy	05/08/1996	X	Kinh	Thạc sỹ Toán giải tích; Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	An Lão	Tam Quan	Anh		
575	Bùi Thị Thư	18/06/1991	X	Kinh	Đại học Lịch sử, Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên Lịch sử	Quốc học Quy Nhơn	Số 2 Tuy Phước	Anh		
576	Tướng Tài Diệu Thư	04/04/1997	X	Kinh	Thạc sỹ Ngôn ngữ học; Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Nguyễn Thái Học	Nguyễn Diệu	Anh		
577	Phạm Minh Thư	31/01/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Nguyễn Du	Mỹ Thọ		X	
578	Đỗ Thị Hoài Thư	14/11/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 2 An Nhơn	Không có		X	
579	Võ Mỹ Thư	09/02/1996	X	Kinh	Thạc sỹ Ngôn ngữ Anh; Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 2 An Nhơn	Mỹ Thọ		X	
580	Nguyễn Anh Thư	07/01/1996	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 2 An Nhơn	Số 3 An Nhơn		X	
581	Lê Nguyễn Anh Thư	04/10/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Hòa Bình	Xuân Diệu	Anh		
582	Nguyễn Anh Thư	09/03/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Hùng Vương	Số 1 Tuy Phước	Anh		

TT	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển			Thi ngoại ngữ	Miền thi ngoại ngữ	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Trường, đơn vị				
									Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2			
583	Võ Minh	Thư	05/01/2000		Kinh	Thạc sỹ Phương pháp Toán sơ cấp; Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Quốc học Quy Nhơn	Nguyễn Trường Tộ	Anh		
584	Đặng Thị Anh	Thư	09/10/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Quốc học Quy Nhơn	Bình Dương	Anh		
585	Nguyễn Thảo	Thư	01/10/1997	X	Kinh	Đại học Sư phạm Hóa học		Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm	Chuyên Chu Văn An	Lý Tự Trọng	Anh		
586	Huỳnh Ngọc	Thức	22/12/1999		Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Trần Cao Vân	Bùi Thị Xuân	Anh		
587	Đình Công	Thực	11/02/2001		Bana	Đại học Sư phạm Toán học	DTTS	Giáo viên Toán học	An Lão	Không có		X	
588	Đặng Anh	Thương	23/06/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 2 An Nhơn	Mỹ Thọ		X	
589	Đỗ Kim	Thương	20/08/1986	X	Kinh	Đại học Kế toán		Nhân viên Kế toán	Tăng Bạt Hổ	Không có	Anh		
590	Đỗ Ngọc	Thường	01/06/1993		Kinh	Thạc sỹ Phương pháp Toán sơ cấp; Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Trung Vương	Vân Canh	Anh		
591	Nguyễn Lệ	Trà	30/10/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Lịch sử		Giáo viên Lịch sử	Quốc học Quy Nhơn	Trung Vương	Anh		
592	Nguyễn Hương	Trà	28/11/2001	X	Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Hòa Bình	Số 2 Tuy Phước	Anh		
593	Nguyễn Huyền	Trang	28/04/2000	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Nguyễn Du	Mỹ Thọ		X	
594	Nguyễn Thị Mỹ	Trang	20/01/1996	X	Kinh	Đại học sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Bùi Thị Xuân	Nguyễn Du	Anh		
595	Nguyễn Thị Thùy	Trang	25/04/1999	X	Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Số 2 Tuy Phước	Xuân Diêu	Anh		
596	Văn Thị Thùy	Trang	25/11/1995	X	Kinh	Thạc sỹ Vật lý chất rắn; Đại học Sư phạm Vật lý	Con thương binh	Giáo viên Vật lý	Chuyên Lê Quý Đôn	Không phù hợp	Anh		
597	Huỳnh Thị	Trang	20/01/1991	X	Kinh	Đại học Kế toán		Nhân viên Kế toán	Số 1 Phù Mỹ	Tăng Bạt Hổ	Anh		
598	Trương Thị Hà	Trang	29/10/1994	X	Kinh	Đại học Sinh học		Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm	Nguyễn Trần	Lý Tự Trọng	Anh		
599	Phạm Thị Mỹ	Trang	20/07/1989	X	Kinh	Đại học Quản trị kinh doanh; Chứng chỉ Thư viện thiết bị trường học		Nhân viên Thư viện	Xuân Diêu	Bùi Thị Xuân	Anh		
600	Đào Thị Mỹ	Trang	17/01/1989	X	Kinh	Trung cấp Y sĩ đa khoa		Nhân viên Y tế	THCS&THPT Vĩnh Thạnh	Số 1 Tuy Phước	Anh		
601	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	20/01/1994	X	Kinh	Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Nguyễn Diêu	Số 1 Tuy Phước	Anh		
602	Nguyễn Thị	Trâm	05/02/1994	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 2 An Nhơn	Không có		X	

TT	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển			Thi ngoại ngữ	Miền thi ngoại ngữ	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Trường, đơn vị				
									Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2			
603	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	19/09/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Hùng Vương	Nguyễn Trường Tộ	Anh		
604	Nguyễn Bích	Trâm	16/09/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Quang Trung	Nguyễn Thái Học	Anh		
605	Võ Thị Hồng	Trâm	24/06/1995	X	Kinh	Thạc sỹ Đại số và lý thuyết số; Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Quốc học Quy Nhơn	Trung Vương	Anh		
606	Huỳnh Thị	Trâm	10/11/1992	X	Kinh	Thạc sỹ Kế toán	Con thương binh	Nhân viên Kế toán	Tăng Bạt Hổ	Số 1 Phù Mỹ	Anh		
607	Phạm Thị Lê	Trâm	10/05/1991	X	Kinh	Thạc sỹ Kế toán, Đại học Kế toán tài chính	Con thương binh	Nhân viên Kế toán	Tăng Bạt Hổ	Số 1 Phù Mỹ	Anh		
608	Nguyễn Thị Huyền	Trâm	15/06/1980	X	Kinh	Trung cấp Y sĩ đa khoa		Nhân viên Y tế	Ngô Mây	Nguyễn Trường Tộ	Anh		
609	Võ Hoài	Trâm	22/04/1998	X	Kinh	Trung cấp Y sĩ		Nhân viên Y tế	Số 1 Tuy Phước	Số 3 Tuy Phước	Anh		
610	Lê Thị Thùy	Trân	02/04/1991	X	Kinh	Đại học Tiếng Anh; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên Tiếng Anh	Mỹ Thọ	Ngô Mây		X	
611	Trần Thị	Trận	10/11/1986	X	Kinh	Đại học Kế toán		Nhân viên Kế toán	Tăng Bạt Hổ	Số 1 Phù Mỹ	Anh		
612	Võ Thị	Trí	21/06/1992	X	Kinh	Đại học Sư phạm Địa lý	Con thương binh	Giáo viên Địa lý	Bùi Thị Xuân	Số 3 Tuy Phước	Anh		
613	Lê Minh	Trí	22/02/1993		Kinh	Đại học Sư phạm Địa lý		Giáo viên Địa lý	Số 3 Tuy Phước	Bùi Thị Xuân	Anh		
614	Nguyễn Thành	Trí	02/06/1993		Kinh	Thạc sỹ Ngôn ngữ Anh; Đại học Ngôn ngữ Anh; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên Tiếng Anh	Số 3 An Nhơn	Không có		X	
615	Nguyễn Thị	Trí	10/06/1993	X	Kinh	Trung cấp Y sĩ đa khoa		Nhân viên Y tế	Nguyễn Hồng Đạo	Ngô Mây	Anh		
616	Đoàn Thị Ngọc	Triều	17/01/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 2 An Nhơn	Số 3 An Nhơn		X	
617	Nguyễn Văn	Triều	21/07/1996		Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Tam Quan	An Lão	Anh		
618	Đoàn Thị	Trình	23/06/1997	X	Kinh	Đại học Sư phạm Lịch sử		Giáo viên Lịch sử	Tam Quan	Phan Bội Châu	Anh		
619	Nguyễn Ngọc	Trình	26/02/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Hết chỉ tiêu	Trung Vương	Anh		
620	Nguyễn Thị Tuyết	Trình	12/09/1996	X	Kinh	Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Tây Sơn	Quang Trung	Anh		

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển			Thi ngoại ngữ	Miễn thi ngoại ngữ	Ghi chú
							Vị trí việc làm	Trường, đơn vị				
								Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2			
621	Ngô Mỹ Trinh	29/09/2002	X		Cử nhân sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Trần Cao Vân	Trung Vương	Anh		
622	Trần Thị Huyền Trinh	03/01/1979	X	Kinh	Đại học Anh văn; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên Tiếng Anh	Số 2 An Nhơn	Không phù hợp		X	Chi điều chuyển nguyện vọng hết chỉ tiêu theo Phiếu đăng ký lần đầu
623	Nguyễn Cửu Nhật Trinh	11/11/1993	X	Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Trung Vương	Trần Cao Vân	Anh		
624	Nguyễn Vũ Kiều Trinh	02/11/2000	X	Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Xuân Diệu	Không có	Anh		
625	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	12/12/1995	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tin học		Nhân viên Giáo vụ	PTDNT THCS&THPT Vĩnh Thạnh	Không có	Anh		
626	Lê Văn Trinh	27/11/1992		Kinh	Đại học Giáo dục thể chất		Giáo viên Giáo dục thể chất	Bùi Thị Xuân	Trần Cao Vân	Anh		
627	Nguyễn Thị Thanh Trúc	05/10/1998	X	Kinh	Đại học sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Quang Trung	Số 2 An Nhơn	Anh		
628	Đặng Thị Thạch Trúc	10/07/1995	X	Kinh	Thạc sĩ Sinh học thực nghiệm, Đại học Sư phạm Sinh học		Giáo viên Sinh học	Nguyễn Du	Không có	Anh		
629	Huỳnh Thị Thanh Trúc	26/07/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 2 An Nhơn	Không có		X	
630	Lê Thị Thu Trúc	16/01/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Nguyễn Du	Tam Quan	Anh		
631	Võ Thị Thu Trúc	10/03/1995	X	Kinh	Đại học Sư phạm Vật lý		Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm	Lý Tự Trọng	Nguyễn Trân	Anh		
632	Nguyễn Thị Xuân Trúc	20/08/1987	X	Kinh	Trung cấp Y sĩ đa khoa	Con người hưởng chính sách như thương binh	Nhân viên Y tế	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu	Anh		
633	Nguyễn Văn Trung	05/05/1999		Kinh	Đại học Sư phạm Địa lý		Giáo viên Địa lý	Bùi Thị Xuân	Nguyễn Diệu	Anh		

TT	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển			Thi ngoại ngữ	Miễn thi ngoại ngữ	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Trường, đơn vị				
									Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2			
634	Nguyễn Văn	Trung	05/06/1991		Kinh	Đại học Giáo dục thể chất		Giáo viên Giáo dục thể chất	Số 1 Phù Mỹ	Trung Vương	Anh		
635	Lê Duy	Trung	03/09/1988		Kinh	Thạc sỹ Hóa lý thuyết và Hóa lý		Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm	Chuyên Lê Quý Đôn	Không có	Anh		
636	Nguyễn Văn	Trường	20/03/1996		Kinh	Thạc sỹ Lịch sử Việt Nam; Đại học Sư phạm Lịch sử		Giáo viên Lịch sử	Số 2 Tuy Phước	Số 2 An Nhơn	Anh		
637	Nguyễn Thị Hồng	Vàng	03/04/1994	X	Kinh	Cao đẳng Tin học Ứng dụng		Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm	Chuyên Lê Quý Đôn	Không có	Anh		
638	Nguyễn Lê	Văn	20/02/1995		Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Mỹ Thọ	Không có		X	
639	Nguyễn Thị	Vân	05/04/1991	X	Kinh	Đại học Ngữ văn; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên Ngữ văn	Hòa Bình	Không có	Anh		
640	Nguyễn Ngô Thùy	Vân	11/10/2001	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Mỹ Thọ	Không có		X	
641	Nguyễn Thị Bích Vân		10/12/1991	X	Kinh	Thạc sỹ Vật lý chất rắn; Đại học Vật lý; chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên Vật lý	Số 1 Tuy Phước	Xuân Diệu	Anh		
642	Lê Thị Tường	Vi	12/07/1996	X	Kinh	Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Số 1 Tuy Phước	Không có	Anh		
643	Võ Thị Ái	Vi	20/02/1999	X	Kinh	Thạc sỹ Ngôn ngữ học; Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	Anh		
644	Lê Thúy	Vi	01/06/1996	X	Kinh	Đại học Tài chính - Ngân hàng		Nhân viên Kế toán	Số 1 Phù Mỹ	Không có	Anh		
645	Hồ Cẩm	Vi	01/01/1993	X	Kinh	Trung cấp Y sỹ đa khoa		Nhân viên Y tế	Ngô mây	Số 3 Tuy Phước	Anh		
646	Võ Văn	Viên	06/08/1999		Kinh	Đại học Ngôn ngữ Anh; chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên Tiếng Anh	Ngô mây	Số 2 An Nhơn		X	
647	Võ Văn	Viên	07/05/1999		Kinh	Thạc sỹ Đại số và Lý thuyết số; Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Chuyên Chu Văn An	Không có	Anh		
648	Hồ Cẩm	Viên	23/04/1994	X	Kinh	Trung cấp Y sỹ đa khoa		Nhân viên Y tế	Tây Sơn	Số 1 Tuy Phước	Anh		
649	Lê	Viễn	15/04/1999	X	Kinh	Thạc sỹ Văn học Việt Nam; Đại học Sư phạm Ngữ văn	Con thương binh	Giáo viên Ngữ văn	Chuyên Lê Quý Đôn	Chuyên Chu Văn An	Anh		
650	Đoàn Minh	Việt	10/10/1989		Kinh	Đại học Giáo dục thể chất - QPAN		Giáo viên Giáo dục quốc phòng và an ninh	Nguyễn Trường Tộ	Hòa Bình	Anh		
651	Nguyễn Đào Thế Vinh		21/04/1999		Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Số 3 An Nhơn	Không có	Anh		
652	Đặng Cao	Vinh	16/10/1988		Kinh	Đại học Thư viện		Nhân viên Thư viện	Xuân Diệu	Nguyễn Trường Tộ	Anh		

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển			Thi ngoại ngữ	Miễn thi ngoại ngữ	Ghi chú
							Vị trí việc làm	Trường, đơn vị				
								Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2			
653	Nguyễn Kỳ Vương	01/02/1999		Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Quang Trung	Số 3 An Nhơn	Anh		
654	Trần Quốc Vương	04/12/1995		Kinh	Đại học Sư phạm Vật lý		Giáo viên Vật lý	PTDTNT THCS&THPT Vinh Thanh	PTDTNT THCS&THPT Vân Canh	Anh		
655	Nguyễn Trần Vương	20/12/1992		Kinh	Đại học Sư phạm Lịch sử		Giáo viên Lịch sử	PTDTNT THCS&THPT Vinh Thanh	Mỹ Thọ	Anh		
656	Trương Thị Cẩm Vy	21/04/1992	X	Kinh	Đại học Công nghệ sinh học; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên Công nghệ Sinh	Hùng Vương	Nguyễn Thái Học	Anh		
657	Lê Thảo Vy	26/01/1996	X	Kinh	Đại học Sư phạm Địa lý		Giáo viên Địa lý	Xuân Diệu	Không có	Anh		
658	Phan Thị Hiền Vy	09/04/1992	X	Kinh	Đại học Tiếng Anh, Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên Tiếng Anh	Số 2 An Nhơn	Số 3 An Nhơn		X	
659	Đặng Thị Tường Vy	04/10/1995	X	Kinh	Đại học Vật lý; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên Vật lý	Số 1 Tuy Phước	Ngô Mây	Anh		
660	Nguyễn Thị Trúc Vy	09/08/2001	X	Kinh	Đại học Tài chính - Ngân hàng		Nhân viên Kế toán	Số 1 Phù Mỹ	Không có	Anh		
661	Nguyễn Thị Tường Vy	14/11/1991	X	Kinh	Thạc sỹ Hóa lý thuyết và Hóa lý; Đại học Sư phạm Hóa học		Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm	Chuyên Lê Quý Đôn	Nguyễn Trần	Anh		
662	Võ Văn Vỹ	21/11/1988		Kinh	Đại học Giáo dục thể chất		Giáo viên Giáo dục thể chất	Trần Cao Vân	Trung Vương	Anh		
663	Trần Thị Vỹ	03/01/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 3 An Nhơn	Số 2 An Nhơn		X	
664	Nguyễn Thị Xanh	20/06/1993	X	Kinh	Đại học Sư phạm Địa lý		Giáo viên Địa lý	Tam Quan	Nguyễn Bình Khiêm	Anh		
665	Thái Thị Xinh	11/12/1998	X	Kinh	Đại học Sư Phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Nguyễn Thái Học	Trung Vương	Anh		
666	Lê Sỹ Xuân	27/11/1991		Kinh	Đại học Giáo dục thể chất - giáo dục quốc phòng		Giáo viên Giáo dục quốc phòng và an ninh	Quốc học Quy Nhơn	Trần Cao Vân	Anh		
667	Nguyễn Thanh Xuân	17/04/1998	X	Kinh	Đại học Sư phạm Vật lý		Giáo viên Vật lý	Xuân Diệu	Số 2 An Nhơn	Anh		
668	Đinh Thị Xuân	14/11/1993	X	Bana	Trung cấp Y sĩ đa khoa	DTST	Nhân viên Y tế	PTDTNT THCS&THPT Vinh Thanh	Không có		X	
669	Nguyễn Thị Ái Xuyên	04/07/1997	X	Kinh	Thạc sỹ Vật lý chất rắn; Đại học Sư phạm Vật lý		Giáo viên Vật lý	Số 1 Tuy Phước	PTDTNT THCS&THPT Vân Canh	Anh		
670	Võ Thị Như Ý	29/09/2001	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Nguyễn Du	Mỹ Thọ		X	

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển			Thi ngoại ngữ	Miễn thi ngoại ngữ	Ghi chú
							Vị trí việc làm	Trường, đơn vị				
								Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2			
671	Trần Nguyễn Như Ý	28/08/2000	X	Kinh	Thạc sỹ Lý luận và phương pháp dạy học môn Tiếng Anh; Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Nguyễn Du	Mỹ Thọ		X	
672	Nguyễn Thị Thu Yên	16/12/1997	X	Kinh	Thạc sỹ Vật lý chất rắn; Đại học Sư phạm Vật lý		Giáo viên Vật lý	Số 1 Tuy Phước	Số 2 An Nhơn	Anh		
673	Nguyễn Thị Hải Yên	10/03/1990	X	Kinh	Đại học Sư phạm Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp		Giáo viên Công nghệ Sinh	PTDTNT THCS&THPT Vĩnh Thạnh	Hùng Vương	Anh		
674	Mai Thị Hải Yên	21/12/2001	X	Kinh	Đại học Sư phạm Lịch sử		Giáo viên Lịch sử	Tam Quan	Phan Bội Châu	Anh		
675	Phạm Thị Yên	20/01/1991	X	Kinh	Đại học Ngôn ngữ Anh; chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên Tiếng Anh	Ngô Mây	Không có		X	
676	Ngô Trang Yên	20/05/1996	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Nguyễn Du	Mỹ Thọ		X	
677	Lê Thị Ngọc Yên	30/09/1997	X	Kinh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng Anh	Số 3 An Nhơn	Số 2 An Nhơn		X	
678	Trần Hải Yên	16/08/2002	X	Kinh	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Số 2 Tuy Phước	Không có	Anh		

**Lưu ý:** Thí sinh thực hiện nộp phí dự tuyển, bổ sung đầy đủ thông tin (nếu có) theo quy định.

Trường hợp không nộp phí dự tuyển, bổ sung đầy đủ thông tin (nếu có) theo quy định không được tham gia kỳ thi. Căn cứ kết quả nộp phí tuyển dụng, bổ sung thông tin, Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định, thông báo triệu tập thí sinh đủ điều kiện tuyển dụng theo quy định.